

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	10
I. ĐẶT VẤN ĐỀ	10
II. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
1. Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	13
1.1. Tiêu chí 1: Cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.	14
1.2. Tiêu chí 2: Lớp học, số trẻ, địa điểm trường theo quy định của Điều lệ trường mầm non.	16
1.3. Tiêu chí 3: Cơ cấu tổ chức và việc thực hiện nhiệm vụ của các tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.	17
1.4. Tiêu chí 4: Chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục các cấp; bảo đảm Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường.	18
1.5. Tiêu chí 5: Quản lý hành chính, thực hiện các phong trào thi đua theo quy định.	19
1.6. Tiêu chí 6: Quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên, trẻ và quản lý tài chính, đất đai, cơ sở vật chất theo quy định.	21
1.7. Tiêu chí 7: Bảo đảm an ninh trật tự, an toàn cho trẻ và cho	22

cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.	
1.8. Tiêu chí 8: Tổ chức các hoạt động lễ hội, văn nghệ, vui chơi phù hợp với điều kiện địa phương.	24
2. Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ	27
2.1. Tiêu chí 1: Năng lực của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trong quá trình triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.	27
2.2. Tiêu chí 2: Số lượng, trình độ đào tạo và yêu cầu về kiến thức của giáo viên.	29
2.3. Tiêu chí 3: Kết quả đánh giá, xếp loại giáo viên và việc bảo đảm các quyền của giáo viên.	31
2.4. Tiêu chí 4: Số lượng, chất lượng và việc bảo đảm các chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhân viên của nhà trường.	32
2.5. Tiêu chí 5: Trẻ được tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và được bảo đảm quyền lợi theo quy định.	33
3. Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	35
3.1. Tiêu chí 1: Diện tích, khuôn viên và các công trình của nhà trường theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.	36
3.2. Tiêu chí 2: Sân, vườn và khu vực cho trẻ chơi bảo đảm yêu cầu.	37
3.3. Tiêu chí 3: Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ và hiên chơi bảo đảm yêu cầu.	38
3.4. Tiêu chí 4: Phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật, bếp ăn, nhà vệ sinh theo quy định.	40
3.5. Tiêu chí 5: Khối phòng hành chính quản trị bảo đảm yêu cầu.	41

3.6. Tiêu chí 6: Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo Tiêu chuẩn kỹ thuật Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non.	43
4. Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	45
4.1. Tiêu chí 1: Nhà trường chủ động phối hợp với cha mẹ trẻ để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.	45
4.2. Tiêu chí 2: Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương.	47
5. Tiêu chuẩn 5: Kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	49
5.1. Tiêu chí 1: Trẻ có sự phát triển về thể chất phù hợp với độ tuổi.	49
5.2. Tiêu chí 2: Trẻ có sự phát triển về nhận thức phù hợp với độ tuổi.	50
5.3. Tiêu chí 3: Trẻ có sự phát triển về ngôn ngữ phù hợp với độ tuổi.	52
5.4. Tiêu chí 4: Trẻ có sự phát triển về thẩm mỹ phù hợp với độ tuổi.	53
5.5. Tiêu chí 5: Trẻ có sự phát triển về tình cảm và kỹ năng xã hội phù hợp với độ tuổi.	54
5.6. Tiêu chí 6: Trẻ có ý thức về vệ sinh, môi trường và an toàn giao thông phù hợp với độ tuổi.	56
5.7. Tiêu chí 7: Trẻ được theo dõi và đánh giá thường xuyên.	57
5.8. Tiêu chí 8: Trẻ suy dinh dưỡng, béo phì và trẻ khuyết tật được quan tâm chăm sóc.	58
III. KẾT LUẬN CHUNG	61
Phần III. PHỤ LỤC	63

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường					
Tiêu chí	Đạt	Không đạt	Tiêu chí	Đạt	Không đạt
1	X		5	X	
2		X	6	X	
3		X	7		X
4	X		8		X
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ					
Tiêu chí	Đạt	Không đạt	Tiêu chí	Đạt	Không đạt
1	X		4	X	
2	X		5	X	
3	X				
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi					
Tiêu chí	Đạt	Không đạt	Tiêu chí	Đạt	Không đạt
1		X	4		X
2	X		5		X
3		X	6	X	
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội					
Tiêu chí	Đạt	Không đạt	Tiêu chí	Đạt	Không đạt
1	X		2	X	
Tiêu chuẩn 5: Kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ					
Tiêu chí	Đạt	Không đạt	Tiêu chí	Đạt	Không đạt
1	X		5	X	
2	X		6	X	
3	X		7	X	
4	X		8		X

Tổng số các chỉ số đạt: 76/87 - tỉ lệ: 87.35%.

Tổng số các tiêu chí đạt: 20/29 - tỉ lệ: 68.96%.

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường Mầm non 12.

Tên trước đây (nếu có): Không có.

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân Quận 3.

Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3.

Tỉnh / thành phố trực thuộc Trung ương	Thành phố Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng	Lê Thị Hạnh
Huyện / quận / thị xã / thành phố	Quận 3	Điện thoại	08.39313023 0909164216
Xã / phường / thị trấn	Phường 12	Fax	Không có
Đạt chuẩn quốc gia	Không có	Website	mn12q3.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2011	Số điểm trường	1 điểm chính
Công lập	Có	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Tư thực	Không có	Trường liên kết với nước ngoài	Không
Dân lập	Không có	Loại hình khác	Không

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo,

	Năm học 2010-2011	Năm học 2011-2012	Năm học 2012-2013	Năm học 2013-2014	Năm học 2014-2015
Số nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	Trường chưa được thành lập	0	0	0	0
Số nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi		1	1	1	1
Số nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi		1	2	2	2
Số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi		2	3	2	2
Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi		1	2	3	2
Số lớp mẫu giáo 5-6 tuổi		1	2	2	3
Cộng		6	10	10	10

2. Số phòng học:

	Năm học 2010-2011	Năm học 2011-2012	Năm học 2012-2013	Năm học 2013-2014	Năm học 2014-2015
Tổng số	Trường chưa được thành lập	6	10	10	10
Phòng học kiên cố		6	10	10	10
Phòng học bán kiên cố		0	0	0	0
Phòng học tạm		0	0	0	0
Cộng		6	10	10	10

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: Tháng 10 năm 2015 gồm:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Chưa đạt chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	1	0	
Phó hiệu trưởng	2	2	0	0	2	0	
Giáo viên	21	20	0	7	14	0	
Nhân viên	22	19	0	21	1	0	
Cộng	46	42	0	28	18	0	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

	Năm học 2010-2011	Năm học 2011-2012	Năm học 2012-2013	Năm học 2013-2014	Năm học 2014-2015
Tổng số giáo viên	Trường chưa được thành lập	8	12	18	19
Tỷ lệ trẻ/giáo viên (đối với nhóm trẻ)		62/2 = 31/1	80/3 = 26.7/1	78/4 = 19.5/1	133/5 = 26.6/1
Tỷ lệ trẻ/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)		0	0	0	0
Tỷ lệ trẻ/giáo viên (đối với lớp mẫu		122/6	237/9	307/14	330/14

giáo có trẻ bán trú)		= 20.3/1	= 26.3/1	= 21.9/1	= 23.6/1
Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện và tương đương		3	4	4	3
Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh và tương đương trở lên		0	0	0	0

4. Trẻ:

	Năm học 2010-2011	Năm học 2011-2012	Năm học 2012-2013	Năm học 2013-2014	Năm học 2014-2015
Tổng số		184	317	385	463
Trong đó:					
- Trẻ từ 03 đến 12 tháng tuổi		0	0	0	0
- Trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi		28	20	24	41
- Trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi		34	60	54	92
- Trẻ từ 3-4 tuổi		69	100	90	101
- Trẻ từ 4-5 tuổi		36	80	114	97
- Trẻ từ 5-6 tuổi		17	57	103	132
Nữ		88	152	184	215
Dân tộc		0	0	0	0
Đối tượng chính sách		0	0	0	1
Khuyết tật		1	3	4	4

Tuyển mới		184	133	117	144
Học 2 buổi/ngày		0	0	0	0
Bán trú		184	317	385	462
Tỷ lệ trẻ/lớp		122/4 = 30.5/1	237/5 = 47.4/1	307/7 = 43.9/1	330/7 = 47.1/1
Tỷ lệ trẻ/nhóm		62/2 31/1	80/3 = 26.7/1	78/3 = 26/1	133/3 = 44.3/1

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của trường:

Trường Mầm non 12 được thành lập theo Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Quận 3, trường được chính thức hoạt động ngày 05 tháng 9 năm 2011 với quy mô trường mầm non công lập, tự chủ tài chính.

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 46 người (trong đó có 01 giáo viên và 03 nhân viên bảo mẫu hợp đồng trường). Trường có 10 lớp học với tổng số học sinh là 432.

Cơ sở vật chất nhà trường khang trang với đầy đủ trang thiết bị đáp ứng yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường có đạo đức tác phong tốt, phẩm chất chính trị vững vàng, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao, luôn nỗ lực, vượt khó phấn đấu hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. 100% giáo viên có tinh thần học hỏi nâng cao trình độ, sử dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động chuyên môn và trong chăm sóc, giáo dục trẻ.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”, tạo môi trường sinh hoạt vui chơi cho trẻ, giáo dục kỹ năng sống, hình thành nhân cách, phát triển năng khiếu cho trẻ thông qua các trò chơi dân gian, các hoạt động lễ hội, tham quan, dã ngoại.

Trường tham gia tốt các phong trào và đạt được các thành tích cao như: Giải nhất hội thi “Sơ cấp cứu” (do Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3 tổ chức), giải ba và giải khuyến khích hội thi “Giáo viên giỏi cấp quận” (do Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3 tổ chức), giải khuyến khích hội thi “Nét đẹp học đường” và hội thi “Duyên dáng áo dài” (do Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức), giải nhì hội thi “Văn nghệ mừng Đảng, mừng Xuân” (do Phòng Giáo dục và

Đào tạo Quận 3 tổ chức), giải ba “Hội thi Đan len” (do Liên đoàn lao động Quận 3 tổ chức), giải nhất hội thi “Cắm hoa mừng ngày 8/3” (do Ủy ban nhân dân Phường 12 tổ chức), giải nhất “Trò chơi liên hoàn” trong hội thao truyền thống của Ngành mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11.

Trong 5 năm hình thành và phát triển với sự cố gắng nỗ lực của đội ngũ, trường đã đạt nhiều thành tích như: “Tập thể lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Cờ thi đua của Liên đoàn lao động Thành phố Hồ Chí Minh”, bên cạnh đó còn có nhiều gương điển hình cá nhân đạt các danh hiệu: “Tiên tiến giai đoạn 2011-2015” cấp trường và “Tiên tiến tiêu biểu giai đoạn 2011-2015” cấp quận, gương “Dân vận khéo”, “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” cấp trường, phường, quận.

Căn cứ vào công văn số 514/KH-GDĐT ngày 06 tháng 11 năm 2015 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3 về việc hướng dẫn thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục mầm non năm học 2015-2016. Trước yêu cầu thực tiễn đó, trường Mầm non 12 đã tiến hành công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục của trường nhằm phát huy những điểm mạnh, khắc phục điểm yếu để đưa công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường ngày càng đạt chất lượng cao, xứng đáng với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, chính quyền địa phương, sự tin yêu của nhân dân Phường 12, Quận 3.

2. Mục đích tự đánh giá:

Tạo điều kiện cho trường tự xem xét, kiểm tra, đánh giá để xác định mức độ đạt được theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Công tác tự đánh giá góp phần hoàn thiện chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, nâng cao nhận thức cho mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường về tinh thần trách nhiệm ở mỗi vị trí công việc.

Nhằm giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng chăm sóc, giáo dục của trường.

3. Quá trình tự đánh giá và những vấn đề nổi bật trong báo cáo tự đánh giá:

Thực hiện Thông tư số 25/2014/TT-BGDĐT, ngày 07 tháng 8 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non và Công văn số 6339/BGDĐT-KTKĐCLGD, ngày 05 tháng 11 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài trường mầm non, căn cứ vào điều kiện cụ thể tại đơn vị, trường Mầm non 12 thực hiện quá trình tự đánh giá như sau:

Tuần 1 tháng 8 năm 2015: Họp hội đồng tự đánh giá, thông qua kế hoạch tự đánh giá, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

Tuần 2 tháng 8 năm 2015: Tổ chức tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá cho hội đồng tự đánh giá và cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường.

Tuần 3, 4 tháng 8 năm 2015: Chuẩn bị đề cương báo cáo tự đánh giá. Nhóm hoặc cá nhân thu thập minh chứng của từng tiêu chí theo sự phân công của chủ tịch hội đồng. Mã hoá các minh chứng thu được. Viết các phiếu đánh giá tiêu chí.

Tuần 1 tháng 9 năm 2015: Họp hội đồng tự đánh giá để: Thảo luận về những vấn đề nảy sinh từ các minh chứng thu được và xác định những minh chứng cần thu thập bổ sung. Cá nhân hoặc nhóm công tác báo cáo nội dung của từng phiếu đánh giá tiêu chí với hội đồng tự đánh giá.

Tuần 2 tháng 9 năm 2015: Chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của phiếu đánh giá tiêu chí. Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung. Thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá.

Tuần 3, 4 tháng 9 năm 2015: Dự thảo báo cáo tự đánh giá. Kiểm tra lại minh

chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá.

Tuần 1, 2 tháng 10 năm 2015: Hội đồng tự đánh giá đề thông qua báo cáo tự đánh giá đã được điều chỉnh. Công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong nội bộ trường và thu thập các ý kiến đóng góp.

Tuần 3 tháng 10 năm 2015: Xử lý các ý kiến đóng góp và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá.

Tuần 4 tháng 10 năm 2015: Công bố báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ trường.

Tuần 1 tháng 11 năm 2015: Nộp báo cáo tự đánh giá. Công bố rộng rãi báo cáo tự đánh giá.

Hội đồng tự đánh giá của trường có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết, phân công công việc cụ thể cho từng thành viên. Tổ chức tập huấn, hội thảo, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng viết báo cáo cho từng nhóm chuyên trách. Trong quá trình tự đánh giá, các nhóm công tác và ban thư ký đã tiến hành thu thập, xử lý, phân tích các thông tin xác định nội hàm, tìm minh chứng theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non. Trên cơ sở đó phân tích đánh giá các điểm mạnh và những tồn tại để làm căn cứ xây dựng kế hoạch tìm biện pháp để khắc phục những tồn tại nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Ban thư ký có trách nhiệm tập hợp các phiếu tự đánh giá theo từng tiêu chuẩn và viết báo cáo tự đánh giá. Sau khi viết báo cáo, nhà trường sẽ công khai báo cáo tự đánh giá.

II. TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu: Trường Mầm non 12 có đầy đủ cơ cấu tổ chức và quản lý theo quy định Điều lệ trường mầm non, có hội đồng trường, có các tổ chuyên môn và tổ văn phòng. Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của chính quyền địa

phương và cơ quan quản lý giáo dục cấp trên; thực hiện tốt các phong trào thi đua do ngành giáo dục và địa phương phát động.

Nhà trường thực hiện công tác quản lý chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thực hiện việc quản lý tài chính, tài sản theo quy định của Nhà nước; luôn chú trọng công tác bảo đảm an ninh trật tự, an toàn tuyệt đối và chăm sóc sức khỏe cho trẻ, cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; tổ chức tốt các hoạt động lễ hội, sự kiện, văn hóa, văn nghệ, vui chơi phù hợp với điều kiện địa phương. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng của nhà trường thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

Trường có tổ chức Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoạt động dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng. Số lượng đoàn viên tăng dần mỗi năm, luôn tích cực tham gia các hoạt động của quận, phường, trường.

1.1. Tiêu chí 1: Cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường theo qui định tại Điều lệ trường mầm non.

a) Có hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và các hội đồng (hội đồng trường đối với trường công lập, hội đồng quản trị đối với trường dân lập, tư thục, hội đồng thi đua khen thưởng và các hội đồng khác);

b) Có các tổ chuyên môn và tổ văn phòng;

c) Có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác.

1.1.1. Mô tả hiện trạng:

Trường Mầm non 12 là trường hạng I, có 1 hiệu trưởng, 2 phó hiệu trưởng được bổ nhiệm theo quyết định của Ủy ban nhân dân Quận 3 [H1-1-01-01]; [H1-1-01-02]; [H1-1-01-03]. Trường thành lập đầy đủ các hội đồng theo quy định như: Hội đồng trường [H1-1-01-04], Hội đồng thi đua khen thưởng [H1-1-01-05], Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm [H1-1-01-06], Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi [H1-1-01-07]. Các hội đồng trong nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ quyền hạn được giao, tham gia quản lý nhà trường đạt hiệu quả;

Vào đầu năm học, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập 6 tổ chuyên môn và 1 tổ văn phòng gồm: tổ chuyên môn khối nhà trẻ (18-36 tháng), tổ chuyên môn khối mầm (3-4 tuổi), tổ chuyên môn khối chồi (4-5 tuổi), tổ chuyên môn khối lá (5-6 tuổi); tổ bảo mẫu; tổ cấp dưỡng và tổ văn phòng [H1-1-01-08];

Trường có chi bộ Đảng sinh hoạt độc lập trực thuộc Đảng bộ phường 12 Quận 3 gồm 05 đảng viên [H1-1-01-09]; tổ chức Công đoàn gồm 46 công đoàn viên, mỗi nhiệm kỳ Công đoàn đều tổ chức Đại hội và xây dựng nghị quyết được thống nhất cao, Ban chấp hành công đoàn thực hiện đúng nhiệm vụ và chức năng Công đoàn [H1-1-01-10]; tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh gồm 19 đoàn viên, tổ chức Đại hội Chi đoàn theo từng năm học và thực hiện hoạt động theo đúng Điều lệ Đoàn [H1-1-01-11]. Chi hội khuyến học của nhà trường được Hội khuyến học Phường 12 ra quyết định công nhận nhiệm kỳ III (2009-2014), tích cực tham gia xã hội hoá giáo dục và các đợt phát động “Tuần lễ học tập suốt đời” nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước và nhà trường. Hội Chữ thập đỏ thực hiện nhiệm vụ sơ cấp cứu tại trường và tham gia các hội thi hằng năm đúng quy định.

1.1.2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

1.1.3. Điểm yếu: Không có.

1.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tiếp tục duy trì bộ máy của nhà trường hằng năm để tổ chức tốt các hoạt động chung của đơn vị.

Đẩy mạnh hơn nữa công tác phát triển đảng trong nhà trường, phấn đấu trong từng năm học đạt chỉ tiêu phát triển ít nhất 1 đảng viên và bổ sung vào nguồn phát triển đảng của chi bộ ít nhất 2 quần chúng ưu tú.

1.1.5. Tự đánh giá: Đạt

1.2. Tiêu chí 2: Lớp học, số trẻ, địa điểm trường theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

- a) Lớp học được tổ chức theo quy định;
- b) Số trẻ trong một nhóm, lớp theo quy định;
- c) Địa điểm đặt trường, điểm trường theo quy định.

1.2.1. Mô tả hiện trạng:

Trường Mầm non 12 có tất cả 10 nhóm, lớp gồm: Nhà trẻ có 1 nhóm 18-24 tháng, 1 nhóm 25-36 tháng; 8 lớp mẫu giáo, trong đó có 3 lớp mầm (3-4 tuổi), 3 lớp chồi (4-5 tuổi) và 2 lớp lá (5-6 tuổi). Trường đảm bảo phân chia số lớp theo đúng lứa tuổi, quy mô phòng học và hạng trường [H1-1-02-01];

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 - điều 13 của Điều lệ trường mầm non, trường hiện có tổng số 463 trẻ, được chia làm 10 nhóm lớp trong đó: 01 nhóm 18 - 24 tháng 41 trẻ; 01 nhóm 25 - 36 tháng 92 trẻ; 03 lớp Mầm 101 trẻ; 02 lớp Chồi 97 trẻ; 02 lớp Lá 132 trẻ [H1-1-02-02];

	Năm học 2010-2011	Năm học 2011-2012	Năm học 2012-2013	Năm học 2013-2014	Năm học 2014-2015
Tổng số trẻ/Tổng số nhóm, lớp	Trường chưa được	184/6	317/8	385/10	463/10
Bình quân trẻ/nhóm, lớp	thành lập	31/1	40/1	38/1	46/1

Trường Mầm non 12 có một địa điểm tại địa chỉ 1074, đường Trường Sa thuộc Phường 12, Quận 3. Điểm trường đặt tại khu dân cư nên thuận lợi cho phụ huynh trong việc đưa rước trẻ, đảm bảo các quy định về vệ sinh môi trường [H1-1-02-03]; [H1-1-02-04].

1.2.2. Điểm mạnh:

Trường Mầm non 12 có 1 điểm trường, cơ sở vật chất khang trang, an toàn, đầy đủ điều kiện để phục vụ tốt cho trẻ khi tham gia sinh hoạt ở trường, nhà trường

thực hiện việc phân chia số lượng trẻ và số nhóm lớp theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non.

1.2.3. Điểm yếu: Số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp còn vượt quá quy định tại khoản 1, điều 13 của Điều lệ trường mầm non.

1.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2015-2016 nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh, chủ động giảm số lượng trẻ đầu vào ở các nhóm lớp theo quy định trong Điều lệ trường mầm non.

1.2.5. Tự đánh giá: Không đạt

1.3. Tiêu chí 3: Cơ cấu tổ chức và việc thực nhiệm vụ của các tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

a) Có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo tuần, tháng, học kỳ, năm học và thực hiện sinh hoạt tổ theo quy định;

c) Thực hiện các nhiệm vụ của tổ theo quy định.

1.3.1. Mô tả hiện trạng:

Trường có 06 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Bao gồm: tổ cấp dưỡng, tổ bảo mẫu; tổ chuyên môn khối nhà trẻ, tổ chuyên môn khối mầm, tổ chuyên môn khối chồi, tổ chuyên môn khối lá và 01 tổ văn phòng, được Hiệu trưởng ra quyết định phân công cụ thể các tổ trưởng và tổ phó vào đầu năm học [H1-1-01-08]; [H1-1-03-01];

Các tổ chuyên môn dạy có xây dựng kế hoạch chung cho tổ theo tuần, tháng, học kỳ, năm học [H1-1-03-02], tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ hai tuần một lần, sinh hoạt đột xuất khi có yêu cầu và có biên bản sinh hoạt của tổ [H1-1-03-03]. Tuy nhiên, tổ chuyên môn nuôi và tổ văn phòng chưa đảm bảo kế hoạch hoạt động của tổ theo tuần, tháng, học kỳ, năm học và sinh hoạt tổ theo quy định;

Tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên [H1-1-03-04]. Tổ chuyên môn và tổ văn

phòng thực hiện tốt quản lý tài sản [H1-1-03-05] và kiểm kê tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị [H1-1-03-06]. Hằng năm tổ chuyên môn thực hiện đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non [H1-1-03-07].

1.3.2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đầy đủ các tổ chuyên môn và tổ văn phòng theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

1.3.3. Điểm yếu:

Tổ chuyên môn nuôi và tổ văn phòng chưa đảm bảo kế hoạch hoạt động của tổ theo tuần, tháng, học kỳ, năm học và sinh hoạt tổ theo quy định.

1.3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tiếp tục thực hiện tốt cơ cấu tổ chức của nhà trường và duy trì sinh hoạt các tổ chuyên môn dạy theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Năm học 2015-2016, cán bộ quản lý hướng dẫn tổ văn phòng và tổ chuyên môn nuôi thực hiện kế hoạch năm, tháng, tuần và sinh hoạt tổ theo đúng quy định.

1.3.5. Tự đánh giá: Không đạt.

1.4. Tiêu chí 4: Chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục các cấp; bảo đảm Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường.

a) Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy Đảng, chấp hành sự quản lý hành chính của chính quyền địa phương, sự chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan quản lý giáo dục;

b) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo quy định;

c) Bảo đảm Quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường.

1.4.1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy Đảng, chấp hành sự quản lý hành chính của chính quyền địa phương. Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục là cán bộ pháp chế của trường thực hiện xây dựng kế hoạch năm, tháng phổ

biên các văn bản đến đội ngũ vào buổi họp hội đồng sư phạm. Chấp hành tốt sự chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3 [H1-1-04-01];

Nhà trường thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, hằng tháng, hằng quý, báo cáo đột xuất, thông tin 2 chiều theo yêu cầu của các cấp quản lý với nội dung đầy đủ, chính xác [H1-1-04-02];

Cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện đúng các quy định về Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường [H1-1-04-03]; và được triển khai trong Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hằng năm [H1-1-04-04].

1.4.2. Điểm mạnh:

Nhà trường thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy Đảng, chấp hành sự quản lý hành chính của chính quyền địa phương. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở, các chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo chỉ đạo.

1.4.3. Điểm yếu: Không có.

1.4.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2015-2016 và các năm học tiếp theo, cán bộ, giáo viên, nhân viên trường tiếp tục thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Trường luôn đảm bảo thực hiện tốt Quy chế dân chủ, phát huy hiệu quả công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật tại đơn vị, thực hiện các chế độ báo cáo đúng quy định.

1.4.5. Tự đánh giá: Đạt.

1.5. Tiêu chí 5: Quản lý hành chính, thực hiện các phong trào thi đua theo quy định.

a) Có đủ hồ sơ phục vụ hoạt động giáo dục của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường mầm non;

b) Lưu trữ đầy đủ, khoa học hồ sơ, văn bản theo quy định của Luật Lưu trữ;

c) Thực hiện các cuộc vận động, tổ chức và duy trì phong trào thi đua theo hướng dẫn của ngành và quy định của Nhà nước.

1.5.1. Mô tả thực trạng:

Nhà trường thực hiện đầy đủ hồ sơ phục vụ hoạt động giáo dục theo quy định của Điều lệ trường mầm non, cụ thể: Hồ sơ quản lý trẻ em [H1-1-02-01]; [H1-1-02-02]; Hồ sơ quản lý tài sản cơ sở vật chất [H1-1-03-05]; Hồ sơ quản lý nhân sự gồm có hồ sơ quản lý cán bộ công chức [H1-1-05-01]; Hồ sơ quản lý giáo viên [H1-1-05-02]; Hồ sơ quản lý nhân viên [H1-1-05-03]; Hồ sơ quản lý bán trú [H1-1-05-04]; Ngoài ra nhà trường còn có kế hoạch hoạt động chuyên môn; kế hoạch bồi dưỡng giáo viên; kế hoạch thực hiện chuyên đề; kế hoạch giáo dục của nhóm, lớp; kế hoạch tổ chức lễ hội; kế hoạch tham quan; hồ sơ kiểm tra nội bộ và kiểm tra hoạt động sư phạm giáo viên [H1-1-05-05];

Nhà trường thực hiện lưu trữ hồ sơ theo quy định, sắp xếp khoa học, phân công từng bộ phận quản lý [H1-1-05-06]; hồ sơ được lưu trữ theo loại và theo từng năm [H1-1-04-02];

100% cán bộ, giáo viên, nhân viên trường thực hiện tốt việc tổ chức và tham gia tích cực phong trào thi đua của ngành cùng với cuộc vận động phong trào của các cấp theo đúng tiến độ kế hoạch đề ra, mang lại kết quả cao trong các hội thi, hội thao, hội diễn và trường cũng có đầy đủ danh sách, bằng khen, giấy khen, cờ của cán bộ, giáo viên, nhân viên được khen thưởng các danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp quận, cấp thành phố [H1-1-05-07].

1.5.2. Điểm mạnh:

Nhà trường thực hiện công tác quản lý, lưu trữ tốt và đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách theo quy định. Tích cực tham gia các phong trào của ngành, địa phương đạt kết quả cao.

1.5.3. Điểm yếu: Không có.

1.5.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2015-2016 và các năm học tiếp theo, cán bộ quản lý tiếp tục chỉ đạo duy trì thực hiện tốt các phong trào thi đua do ngành và các cấp phát động, đảm bảo việc lưu trữ hồ sơ quản lý hành chính tốt.

1.5.5. Tự đánh giá: Đạt.

1.6. Tiêu chí 6: Quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên, trẻ và quản lý tài chính, đất đai, cơ sở vật chất theo quy định.

a) Thực hiện nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý trẻ theo quy định của Điều lệ trường mầm non;

b) Thực hiện tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm, quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Điều lệ trường mầm non và các quy định khác của pháp luật;

c) Quản lý, sử dụng hiệu quả tài chính, đất đai, cơ sở vật chất để phục vụ các hoạt động giáo dục.

1.6.1. Mô tả hiện trạng:

Hàng năm, nhà trường thực hiện xây dựng kế hoạch năm học, các hoạt động giáo dục và quản lý trẻ phù hợp, nhằm đáp ứng theo quy định của Điều lệ trường mầm non và triển khai đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên. Trong kế hoạch quản lý của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng thể hiện tất cả các nội dung hoạt động trong năm, biện pháp thực hiện cũng như các chỉ tiêu phấn đấu của nhà trường về hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục [H1-1-06-01];

Nhà trường quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo Luật Cán bộ, công chức, Luật viên chức và Điều lệ trường mầm non như: Tuyển dụng giáo viên, nhân viên hằng năm theo nhu cầu của trường đảm bảo công tác chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, thực hiện đúng và kịp thời việc nâng ngạch, bậc cho giáo viên theo quy định [H1-1-05-02]; [H1-1-05-03], đồng thời đề bạt lực lượng cán bộ kế cận theo hướng dẫn của ngành và được sự tham gia đóng góp ý kiến thống nhất của tập thể sư phạm [H1-1-06-02];

Trường thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ được thảo luận và thông qua Hội nghị cán bộ công chức viên chức [H1-1-06-03]. Hằng năm, trường lập dự toán ngân sách, có đầy đủ chứng từ thu chi, báo cáo và quyết toán tài chính theo quy định; quản lý, sử dụng hiệu quả tài chính, đất đai, cơ sở vật chất để phục vụ các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1-06-04].

1.6.2. Điểm mạnh:

Nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục; thực hiện đầy đủ hồ sơ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên, trẻ đúng quy trình; thực hiện việc quản lý tài chính, tài sản theo quy định.

1.6.3. Điểm yếu: Không có.

1.6.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2015-2016 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì thực hiện nghiêm túc các quy định về chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục; thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, đất đai, cơ sở vật chất để phục vụ ngày càng tốt hơn các hoạt động giáo dục.

1.6.5. Tự đánh giá: Đạt.

1.7. Tiêu chí 7: *Bảo đảm an ninh trật tự, an toàn cho trẻ và cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.*

- a) *Có phương án cụ thể bảo đảm an ninh trật tự trong nhà trường;*
- b) *Có phương án cụ thể phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ; phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm trong nhà trường;*
- c) *Bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ và cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong phạm vi nhà trường.*

1.7.1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường xây dựng kế hoạch, phương án đảm bảo an ninh trật tự và các văn bản phối hợp đảm bảo an ninh trật tự giữa nhà trường với địa phương [H1-1-07-01]. Đội bảo vệ luôn có mặt trong giờ đón và trả trẻ, hướng dẫn cha mẹ học sinh để

xe đúng nơi quy định ra vào thuận tiện; phân công ca trực ngày - đêm, có lịch trực cụ thể và sổ bàn giao ca trực [H1-1-07-02];

Phương án phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ được xây dựng từ đầu mỗi năm học. 100% giáo viên, nhân viên tham dự lớp tập huấn “Sơ cấp cứu” để biết cách phòng tránh và xử lý ban đầu một số tai nạn thường gặp đối với trẻ. Thường xuyên kiểm tra để kịp thời loại bỏ hoặc sửa chữa những thiết bị, đồ dùng, đồ chơi thiếu an toàn, không còn phù hợp [H1-1-07-03]. Nhà trường xây dựng kế hoạch, phương án phòng chống cháy nổ và tổ chức diễn tập giả định các sự cố cháy xảy ra cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1-07-04]. Trường có kế hoạch phòng chống dịch bệnh theo quy định thực hiện phun thuốc diệt muỗi định kỳ 1 tháng 1 lần, vệ sinh hằng ngày, khử khuẩn hằng tuần đồ dùng đồ chơi lớp, trường, bếp với dung dịch Javel và Cloramin B. Khi có dịch bệnh xảy ra thực hiện khử khuẩn hằng ngày đồng thời nhân viên y tế báo cáo với Trạm y tế phường 12, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3, Trung tâm y tế dự phòng Quận 3 tình hình trẻ nghỉ học trong ngày [H1-1-07-05]. Cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia các lớp tập huấn về an toàn vệ sinh thực phẩm do Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3, Trung tâm y tế dự phòng Quận 3 tổ chức và được cấp giấy chứng nhận đạt 100%. Trường được Ủy ban nhân dân Quận 3 cấp giấy chứng nhận: “Cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm” [H1-1-07-06];

Nhà trường luôn quan tâm tới việc bảo đảm an toàn cho trẻ và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; được Ủy ban nhân dân Quận 3 cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn: “Trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích”. Hằng năm, trường đón các đoàn kiểm tra của cơ quan công an Phòng cháy chữa cháy, ban ngành đoàn thể, chính quyền địa phương, Trung tâm y tế dự phòng và Phòng y tế Quận 3 kiểm tra đánh giá công tác y tế trường học [H1-1-07-07]. Tuy nhiên trường chưa có hệ thống báo cháy theo luật Phòng cháy chữa cháy quy định.

1.7.2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đầy đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống dịch bệnh, phòng ngộ độc thực phẩm, phối hợp tốt với các ban ngành đoàn thể tại địa phương đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ và đội ngũ.

1.7.3. Điểm yếu: Trường chưa có hệ thống báo cháy theo luật Phòng cháy chữa cháy quy định.

1.7.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2015-2016 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục xây dựng và triển khai tình huống giả định, trường duy trì việc tập huấn các phương án bảo đảm an ninh trật tự trong nhà trường, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, bồi dưỡng kỹ thuật sơ cấp cứu, chủ động khắc phục kịp thời khi có sự cố xảy ra, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Cán bộ quản lý xây dựng kế hoạch đầu tư, sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất năm 2016 và tham mưu với các cấp lãnh đạo Ủy ban nhân dân Quận 3, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3 đề trang bị hệ thống báo cháy theo quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy.

1.7.5. Tự đánh giá: Không đạt.

1.8. Tiêu chí 8: Tổ chức các hoạt động lễ hội, văn nghệ, vui chơi phù hợp với điều kiện địa phương.

a) Có nội dung hoạt động lễ hội, văn nghệ, vui chơi theo từng tháng, từng năm học và thực hiện đúng tiến độ, đạt hiệu quả;

b) Trong năm học tổ chức ít nhất một lần cho trẻ từ 4 tuổi trở lên tham quan địa danh, di tích lịch sử, văn hoá địa phương hoặc mời nghệ nhân ở địa phương hướng dẫn trẻ làm đồ chơi dân gian;

c) Phổ biến, hướng dẫn cho trẻ các trò chơi dân gian, các bài ca dao, đồng dao, bài hát dân ca phù hợp.

1.8.1. Mô tả hiện trạng:

Hằng năm, nhà trường có xây dựng kế hoạch tổ chức các ngày lễ hội trong năm như: Ngày hội bé đến trường, Tết Trung thu, Nhà giáo Việt Nam 20/11, cháu thương chú Bộ đội 22/12, bé vui Noel, lễ hội Mùa xuân, ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, Lễ ra trường cho học sinh khối lá [H1-1-08-01]. Các ngày lễ hội được tổ chức với nhiều nội dung phong phú, đa dạng về hình thức, trẻ hứng thú và tích cực tham gia [H1-1-08-02];

Trong mỗi năm học, nhà trường luôn xây dựng kế hoạch và tổ chức cho các cháu mẫu giáo được sinh hoạt, giao lưu cùng với các Bác cựu chiến binh Phường 12, bộ đội thiết giáp thuộc Bộ tư lệnh Thành phố, thăm doanh trại bộ đội; tham quan địa danh, di tích lịch sử, văn hoá trong và ngoài quận như: Công viên Thảo cầm viên, Công viên văn hóa Đầm sen; Thành phố hướng nghiệp Vietopia, Kizcity; tham quan di tích lịch sử Đền Hùng, Bến Nhà Rồng, Bảo tàng chiến tích Hồ Chí Minh..., có hợp đồng tham quan đảm bảo an toàn cho trẻ [H1-1-08-03]. Mời nghệ nhân đến giao lưu và tổ chức trò chơi dân gian hướng dẫn trẻ tham gia như: Tô he, làm gôm Bát tràng, làm các con vật bằng lá dừa, xem múa rối tay, rối lùn, rối chân...trẻ rất thích và hứng thú tham gia. Tuy nhiên, việc tổ chức ít nhất một lần cho trẻ từ 4 tuổi trở lên tham quan địa danh, di tích lịch sử, văn hoá địa phương hoặc mời nghệ nhân ở địa phương hướng dẫn trẻ làm đồ chơi dân gian trường chưa thực hiện đều đặn hằng năm [H1-1-08-04];

Nhà trường hướng dẫn trẻ làm đồ chơi và chơi các trò chơi dân gian như: Ô ăn quan, tạt lon, nhảy bao bố, đi cà kheo, làm lồng đèn, làm điều..., sưu tầm các bài ca dao, đồng dao, bài hát dân ca phù hợp lồng ghép vào hoạt động giáo dục và hoạt động lễ hội, sự kiện. Ngoài ra, giáo viên còn tổ chức sắp xếp bố trí góc chơi dân gian cho trẻ ở mỗi lớp và tuyên truyền hình ảnh qua môi trường xung quanh lớp, sân trường, đồ chơi ngoài trời, các khung cảnh sân vườn [H1-1-08-05].

1.8.2. Điểm mạnh:

Nhà trường xây dựng tốt các kế hoạch tổ chức lễ hội, văn nghệ, vui chơi cho trẻ phù hợp với từng thời điểm trong năm. Phát huy tốt năng lực của đội ngũ và phát triển được khả năng của trẻ về mọi mặt, các lễ hội được tổ chức mang tính sáng tạo và mới lạ.

Nhà trường tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen trò chơi dân gian với nhiều hình thức đa dạng và phong phú.

1.8.3. Điểm yếu: Kế hoạch tổ chức ít nhất 1 lần/1 năm cho trẻ cho trẻ từ 4 tuổi trở lên tham quan địa danh, di tích lịch sử, văn hóa địa phương hoặc mời nghệ nhân hướng dẫn trẻ làm đồ chơi dân gian tuy có thực hiện nhưng chưa thường xuyên đều đặn hằng năm.

1.8.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2015-2016 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì hình thức tổ chức lễ hội, văn nghệ, vui chơi sáng tạo mới lạ gây hấp dẫn trẻ. Các nhóm, lớp xây dựng kế hoạch tổ chức các trò chơi dân gian theo từng năm, tháng phong phú, đồng thời tạo điều kiện cho trẻ từ 4 tuổi trở lên tham quan địa danh, di tích lịch sử, văn hóa địa phương thường xuyên hơn.

1.8.5. Tự đánh giá: Không đạt.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

Cán bộ quản lý nhà trường làm tốt chức trách và nhiệm vụ được giao. Quản lý toàn bộ hoạt động của nhà trường đúng theo kế hoạch và theo sự chỉ đạo các cấp;

Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo đúng quy định Điều lệ trường mầm non, các đoàn thể có trình độ chuyên môn và năng lực tổ chức điều hành có hiệu quả;

Nhà trường nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của chính quyền địa phương, thực hiện tốt các phong trào thi đua do ngành và địa phương phát động;

Thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo, công tác quản lý tài chính, tài sản có công khai đầy đủ, đúng quy định.

Điều yếu cơ bản:

Số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp còn vượt quá quy định của Điều lệ trường mầm non;

Tổ chuyên môn nuôi và tổ văn phòng chưa đảm bảo kế hoạch hoạt động của tổ theo tuần, tháng, học kỳ, năm học và sinh hoạt tổ theo quy định;

Trường chưa có hệ thống báo cháy theo luật Phòng cháy chữa cháy quy định.

Việc tổ chức cho trẻ từ 4 tuổi trở lên tham quan địa danh, di tích lịch sử, văn hóa địa phương hoặc mời nghệ nhân hướng dẫn trẻ làm đồ chơi dân gian chưa thực hiện thường xuyên.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 4/8.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 4/8.

2. Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ

Mở đầu: Cán bộ quản lý của nhà trường có đủ năng lực và kinh nghiệm để tiếp thu và chỉ đạo triển khai các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, được tập thể nhà trường tín nhiệm. Đội ngũ giáo viên của trường có kiến thức, kỹ năng, trình độ nghiệp vụ và chính trị cơ bản đồng thời tích cực trong tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đáp ứng yêu cầu của Điều lệ trường mầm non, có kiến thức cơ bản về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật. Nhà trường có đủ số lượng nhân viên và đạt trình độ theo quy định, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm, phối hợp nhịp nhàng với đồng nghiệp trong công tác, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Cán bộ, giáo viên và nhân viên của nhà trường được đánh giá xếp loại hàng năm và được đảm bảo các quyền lợi theo quy định của pháp luật.

2.1. Tiêu chí 1: Năng lực của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trong quá trình triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

a) Có thời gian công tác theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; có bằng trung cấp sư phạm trở lên; đã được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục và lý luận chính trị theo quy định;

b) Được đánh giá hằng năm đạt từ loại khá trở lên theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non;

c) Có năng lực quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường, nắm vững Chương trình giáo dục mầm non; có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý và chỉ đạo chuyên môn.

2.1.1. Mô tả hiện trạng

Cán bộ quản lý của trường có thời gian công tác trong ngành mầm non nhiều năm: Hiệu trưởng có thời gian làm việc 28 năm, phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục 32 năm và phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng là 18 năm. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường có trình độ Đại học Sư phạm mầm non; Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng (do mới đề bạt tháng 2/2015) đang theo học quản lý giáo dục và trung cấp lý luận chính trị [H1-1-05-04];

Theo Thông tư số 17/2011/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành qui định đánh giá Chuẩn cán bộ quản lý. Hằng năm, nhà trường tổ chức cho tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên đánh giá Chuẩn hiệu trưởng và phó hiệu trưởng và được Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3 xếp loại xuất sắc 3/3 - tỉ lệ 100% [H2-2-01-01];

Cán bộ quản lý có năng lực quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường, nắm vững Chương trình giáo dục mầm non, thường xuyên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và chỉ đạo chuyên môn [H2-2-01-02] và được lãnh đạo các cấp, ngành khen thưởng nhiều giấy khen, bằng khen và danh hiệu chiến sĩ thi đua [H1-1-05-07].

2.1.2. Điểm mạnh:

Cán bộ quản lý nhà trường có thời gian công tác trong ngành giáo dục mầm non nhiều năm liền, có năng lực và kinh nghiệm trong quản lý, tổ chức các hoạt động giáo dục và chăm sóc trẻ trong nhà trường, đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, được tập thể giáo viên, nhân viên tin nhiệm.

2.1.3. Điểm yếu:

Không có.

2.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2015-2016 và các năm học tiếp theo, cán bộ quản lý nhà trường tiếp tục tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn do Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3 tổ chức hằng năm, hoàn thành công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo quy định để nắm vững và rút kinh nghiệm trong công tác quản lý và chỉ đạo chuyên môn. Tiếp tục rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và nêu gương trong tập thể.

2.1.5. Tự đánh giá: Đạt.

2.2. Tiêu chí 2: Số lượng, trình độ đào tạo và yêu cầu về kiến thức của giáo viên.

a) Số lượng giáo viên theo quy định;

b) 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn được đào tạo trở lên, trong đó có ít nhất 30% giáo viên trên chuẩn về trình độ đào tạo đối với miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo và ít nhất 40% đối với các vùng khác;

c) Có hiểu biết về văn hóa và ngôn ngữ dân tộc phù hợp với địa bàn công tác và có kiến thức cơ bản về giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật.

2.2.1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định tại Thông tư số 71/2007/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở giáo dục

mầm non công lập, hiện có 21 giáo viên/10 lớp (trong đó có 20/21 giáo viên là biên chế, 01/21 giáo viên hợp đồng trường) [H2-2-02-01];

100% giáo viên của nhà trường đã đạt trình độ chuẩn. Trong đó có 14/21 giáo viên đạt trình độ trên chuẩn, tỷ lệ 66,6% [H2-2-02-02];

Do trường ở địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, tất cả giáo viên và học sinh đều là người Kinh nên rất thuận tiện trong giao tiếp văn hóa phù hợp với địa phương [H2-2-02-03]. Đồng thời, hằng năm giáo viên được bồi dưỡng, dự chuyên đề do Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3 tổ chức để nâng cao kiến thức về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật [H1-1-03-04].

2.2.2. Điểm mạnh:

Giáo viên của nhà trường đạt các yêu cầu về trình độ chuyên môn theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Giáo viên và học sinh đều là người dân tộc Kinh nên rất thuận lợi cho việc trao đổi giữa phụ huynh và giáo viên trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

2.2.3. Điểm yếu: Không có.

2.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2015-2016 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục tạo điều kiện cho giáo viên, nhân viên tham gia các lớp học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và trình độ lý luận chính trị. Tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên học tập bổ sung các kiến thức về chăm sóc, giáo dục thông qua chương trình bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư các loại sách về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật, tạo điều kiện cho giáo viên tham khảo, nghiên cứu, học tập.

2.2.5. Tự đánh giá: Đạt.

2.3. Tiêu chí 3: Kết quả đánh giá, xếp loại giáo viên và việc bảo đảm các quyền của giáo viên.

a) Xếp loại chung cuối năm học của giáo viên đạt 100% từ loại trung bình trở lên, trong đó có ít nhất 50% xếp loại khá trở lên theo Quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non;

b) Số lượng giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện (quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh) trở lên đạt ít nhất 5%;

c) Giáo viên được bảo đảm các quyền theo quy định của Điều lệ trường mầm non và của pháp luật.

2.3.1. Mô tả hiện trạng:

Hàng năm, đến cuối năm học, xếp loại chung của giáo viên đạt 100% từ loại trung bình trở lên theo Quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, kết quả xếp loại: Xuất sắc 7/19 - tỉ lệ 36.84%, khá: 5/19 - tỉ lệ 26.32%, trung bình 7/19 - tỉ lệ 36.84% [H2-2-03-01];

Nhà trường tổ chức và bồi dưỡng cho giáo viên tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp quận hàng năm, kết quả đạt: 3/19 - tỉ lệ 15.78% [H2-2-03-02];

Nhà trường luôn chú trọng việc trang bị đầy đủ về cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo các điều kiện để giáo viên của nhà trường thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ. Giáo viên được phân công, phân nhiệm hợp lý, cụ thể, rõ ràng theo đúng chức danh, được bảo đảm các quyền theo quy định tại Điều 37, Điều lệ trường mầm non ban hành tại văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BGDĐT ngày 13/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H2-2-03-03].

2.3.2. Điểm mạnh:

Nhà trường có 12/19 giáo viên - tỉ lệ 63.16% được đánh giá xếp loại từ khá trở lên theo quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non;

Số lượng giáo viên dạy giỏi cấp quận cao, làm nòng cốt để cho giáo viên mới có điều kiện học hỏi kinh nghiệm từ đồng nghiệp một cách hiệu quả nhất; Nhà trường thực hiện đầy đủ các điều kiện thiết bị làm việc, chế độ chính sách quyền lợi cho đội ngũ giáo viên theo quy định.

2.3.3. Điểm yếu: Không có.

2.3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2015-2016 và các năm học tiếp theo, nhà trường phấn đấu giữ vững các danh hiệu cá nhân đã đạt được và đăng ký danh hiệu cấp cao theo từng năm

học, tăng số lượng và chất lượng giáo viên giỏi cấp Quận, cấp Thành phố. Thực hiện kịp thời và đầy đủ các chế độ chính sách cho giáo viên theo quy định của pháp luật. Phối hợp tốt với ban ngành, đoàn thể, chăm lo và giải quyết tốt các chế độ về thi đua, khen thưởng, tham quan, giải trí, phúc lợi cho đội ngũ.

2.3.5. Tự đánh giá: Đạt.

2.4. Tiêu chí 4: Số lượng, chất lượng và việc bảo đảm các chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhân viên của nhà trường.

a) Số lượng nhân viên theo quy định;

b) Đạt trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, riêng nhân viên nấu ăn phải có chứng chỉ nghề nấu ăn.

c) Nhân viên thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao và được bảo đảm chế độ, chính sách theo quy định.

2.4.1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường có đủ số lượng nhân viên theo quy định tại Thông tư số 71/2007/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập. Hiện tại nhà trường bố trí: 01 kế toán, 01 nhân viên y tế kiêm nhiệm văn thư, 02 bảo vệ, 07 nhân viên cấp dưỡng, 11 nhân viên bảo mẫu và được bố trí làm việc đúng chuyên môn, nghiệp vụ, trong đó 01 nhân viên bảo mẫu kiêm nhiệm thủ quỹ [H2-2-04-01];

Các nhân viên văn phòng đều đạt trình độ chuẩn, nhân viên y tế học đường có văn bằng trung cấp điều dưỡng và kế toán có trình độ Đại học theo đúng chuyên môn, Trường có 7/7 nhân viên cấp dưỡng đã được học qua lớp sơ cấp nấu ăn, 2/2 nhân viên bảo vệ được học qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ do Công an Quận 3 tổ chức, 11/11 nhân viên bảo mẫu được học qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ bảo mẫu, trong đó có 07 nhân viên bảo mẫu hiện đang theo học các lớp cao đẳng, đại học sư phạm mầm non tại chức [H2-2-04-02];

Nhân viên nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ trường mầm non và theo sự phân công của Hiệu trưởng, tích cực học tập nâng cao trình độ, giữ gìn phẩm chất đạo đức, đảm bảo an toàn cho trẻ. Nhân viên được đảm bảo các chế độ, chính sách theo quy định về lương, phụ cấp, khen thưởng, tham quan, phúc lợi [H1-1-04-04].

2.4.2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đủ các nhân viên theo quy định của Điều lệ trường mầm non và được phân công phân nhiệm hợp lý, phù hợp khả năng, chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo của từng người.

2.4.3. Điểm yếu: Không có.

2.4.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2015-2016 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì số lượng, bồi dưỡng tay nghề cho đội ngũ nhân viên để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác ngày càng tốt hơn.

Cán bộ quản lý nhà trường động viên và tạo điều kiện cho nhân viên bảo mẫu tham gia học các lớp sư phạm mầm non.

2.4.5. Tự đánh giá: Đạt.

2.5. Tiêu chí 5: Trẻ được tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và được bảo đảm quyền lợi theo quy định.

a) Được phân chia theo độ tuổi.

b) Được tổ chức bán trú và học 2 buổi/ngày.

c) Được bảo đảm quyền lợi theo quy định.

2.5.1. Mô tả hiện trạng:

Tính theo thời điểm tự đánh giá tháng 10 năm 2015 học sinh trường có 432 trẻ, tổng số trẻ được phân chia theo quy định của Điều lệ trường mầm non: có 02 nhóm nhà trẻ 18-36 tháng (74 trẻ), 03 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi (127 trẻ), 03 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi (129 trẻ), 02 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi (102 trẻ) [H1-1-02-01];

Nhà trường tổ chức cho tất cả các trẻ được học bán trú; số trẻ học bán trú trong các năm học qua luôn đạt tỷ lệ 100% [H2-2-05-01];

Trẻ được nhà trường chăm sóc, giáo dục và tham gia các hoạt động, đảm bảo quyền lợi theo quy định như: Đối xử công bằng, đảm bảo an toàn, chăm sóc và giáo dục theo từng lứa tuổi, tham gia các hoạt động năng khiếu, giảm học phí, trẻ khuyết tật học hòa nhập, tham quan, không có trường hợp xảy ra vi phạm quyền trẻ em. Ngoài ra trẻ còn hưởng các chế độ chăm sóc sức khỏe theo đúng qui định như: khám sức khỏe, tẩy giun theo định kỳ 2 lần/1 năm. Trẻ còn được uống Vitamin A và tiêm chủng theo chiến dịch. Hằng quý, trẻ được cân đo và theo dõi biểu đồ tăng trưởng [H1-1-05-04].

2.5.2. Điểm mạnh:

Nhà trường phân chia trẻ học tại các nhóm, lớp theo đúng độ tuổi; 100% trẻ học bán trú tại trường. Trẻ được đối xử công bằng và đảm bảo các quyền lợi theo đúng quy định.

2.5.3. Điểm yếu: Không có.

2.5.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2015-2016 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục và trẻ được đảm bảo quyền lợi theo quy định.

2.5.5. Tự đánh giá: Đạt.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật:

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có đủ sức khỏe, phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình, tâm huyết với nghề, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

Cán bộ quản lý nhà trường đoàn kết, có nhiều kinh nghiệm quản lý, sáng tạo, năng động, luôn tìm tòi học hỏi cái mới và tiên phong đi đầu trong việc đầu tư cơ sở vật chất, chuyên môn nhà trường. Làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, duy trì

và phát huy được thành tích, liên tục đơn vị đạt “Tập thể lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Bằng khen Thành phố”, “Cờ thi đua của Liên đoàn lao động Thành phố;

Cán bộ, giáo viên, nhân viên trường luôn được đảm bảo đủ điều kiện để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; được hưởng lương, phụ cấp và các chế độ khác khi đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; được bảo vệ nhân phẩm, danh dự; được hưởng các quyền lợi theo quy định của pháp luật.

Điều kiện cơ bản: Không có.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 5/5.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/5.

3. Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mở đầu: Được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, trường Mầm Non 12 được cải tạo, nâng cấp và đưa vào sử dụng từ tháng 9/2011. Kết cấu gồm 1 trệt, 1 lầu với diện tích 1.457m², trường được xây dựng kiên cố xung quanh có tường bao, cổng trường chắc chắn, biển tên trường đẹp, cây xanh được trồng đều khắp khuôn viên trường tạo cảnh quang xanh phù hợp. Từ ngày thành lập đến nay, nhà trường không ngừng đầu tư về trường lớp, các công trình phục vụ công tác chăm sóc, giáo dục, phòng hành chính, phòng chức năng, sân chơi, khu vực vệ sinh được cải tạo tương đối hoàn chỉnh theo hướng ngày càng hiện đại, khung cảnh sư phạm xanh, sạch, đẹp, an toàn. Khuôn viên nhà trường, sân, vườn và khu vực cho trẻ chơi đảm bảo yêu cầu. Các hệ thống mạng, thiết bị công nghệ thông tin luôn được đầu tư, sửa chữa, nâng cấp hằng năm.

3.1. Tiêu chí 1: Diện tích, khuôn viên và các công trình của nhà trường theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

a) Có đủ diện tích đất hoặc diện tích sàn sử dụng theo quy định, các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;

b) Có biển tên trường, khuôn viên có tường, rào bao quanh;

c) Có nguồn nước sạch và hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh.

3.1.1. Mô tả hiện trạng:

Trường Mầm Non 12 được cải tạo sửa chữa, nâng cấp, mở rộng từ năm 2011 do Ủy ban nhân dân Quận 3 cấp quyết định, với diện tích đất 1.457 m², bình quân 3,4m²/trẻ; các công trình của nhà trường được cải tạo sửa chữa kiên cố [H3-3-01-01];

Biên tên trường đẹp, được thiết kế phù hợp, cổng chính chắc chắn thẩm mỹ và đạt tiêu chuẩn theo quy định. Khuôn viên trường kiên cố với tường rào xây bao quanh, chắn song bằng sắt, độc lập với các hộ dân xung quanh [H3-3-01-02];

Trường có nguồn nước sạch do Công ty cổ phần cấp nước Gia Định cung cấp, đảm bảo cho việc nấu ăn và sinh hoạt hàng ngày của trẻ. Hệ thống cống rãnh thông thoáng, nằm ngầm dưới mặt đất, không ứ đọng, không bốc mùi, hợp vệ sinh [H3-3-01-01].

3.1.2. Điểm mạnh:

Trường Mầm Non 12 có diện tích khuôn viên rộng rãi, thoáng mát, tường rào chắc chắn, an toàn, đáp ứng yêu cầu của Điều lệ trường mầm non. Có nguồn nước sạch và hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh.

3.1.3. Điểm yếu: Diện tích sử dụng đất bình quân tối thiểu của trường chưa đủ 8m² cho một trẻ đối với khu vực thành phố.

3.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2015-2016 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì sử dụng hệ thống cấp nước của công ty cấp nước thành phố để đảm bảo vệ sinh;

Cán bộ quản lý kịp thời tham mưu với các cấp lãnh đạo cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, mở rộng trường lớp để đảm bảo diện tích sử dụng cho trẻ theo quy định.

3.1.5. Tự đánh giá: Không đạt.

3.2. Tiêu chí 2: Sân, vườn và khu vực cho trẻ chơi bảo đảm yêu cầu.

a) Diện tích sân chơi được quy hoạch, thiết kế phù hợp, có cây xanh tạo bóng mát;

b) Có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, giúp trẻ khám phá, học tập;

c) Khu vực trẻ chơi ngoài trời được lát gạch, láng xi măng hoặc trồng thảm cỏ; có ít nhất 5 loại đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non.

3.2.1. Mô tả hiện trạng

Diện tích sân chơi với 700m², được quy hoạch, thiết kế phù hợp gồm: Khu vực chơi cát; nước; vườn sinh cảnh; trò chơi vận động; dân gian. Cây xanh được chăm sóc, cắt tỉa đẹp, tạo bóng mát mỹ quan cho sân trường [H3-3-01-01]; [H3-3-01-02];

Khu vực xung quanh trường trồng nhiều cây xanh tạo bóng mát và có khu vực dành riêng cho trẻ được trải nghiệm, khám phá với những bồn cây của bé trồng các loại rau trồng ngắn ngày, dài ngày, rau mầm...là nơi trẻ rất thích vì tự mình được chăm sóc và khám phá sự phát triển của cây. Qua đó giáo dục trẻ ham thích lao động, cảm nhận cái đẹp, yêu thiên nhiên [H3-3-02-01];

Toàn bộ khu vực sân chơi ngoài trời đều được lát gạch và có thảm cỏ nhân tạo đảm bảo thẩm mỹ, an toàn cho trẻ. Nhà trường luôn quan tâm tạo điều kiện cho trẻ phát triển thể chất. Sân chơi của trẻ có nhiều loại đồ chơi ngoài trời phát triển tốt các tố chất vận động như: thang leo, bộ đồ chơi liên hoàn, vách leo núi, mâm nhúng, cổng chui, bàn đạp chân, vòng xoay kỳ thú...giúp trẻ tích cực, năng động khi tham gia hoạt động ngoài trời [H3-3-02-02].

3.2.2. Điểm mạnh:

Nhà trường có sân chơi rộng thoáng mát, thiết kế phù hợp, có đủ các loại đồ chơi ngoài trời phong phú, đa dạng, đẹp mắt, đảm bảo an toàn, thu hút trẻ, giúp cho trẻ tăng cường vận động thể lực, vui chơi phù hợp với mọi lứa tuổi;

Vườn cây có đủ các loại cây, đa dạng chủng loại, có bóng mát đáp ứng nhu cầu hứng thú cho trẻ trong hoạt động tìm hiểu, khám phá gần gũi với cuộc sống của trẻ.

3.2.3. Điểm yếu: Không có.

3.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2015-2016 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy hiệu quả sân vườn và khu vực cho trẻ chơi. Thường xuyên kiểm tra để đảm bảo an toàn cho trẻ khi chơi. Huy động mạnh thường quân, cha mẹ học sinh bổ sung bộ đồ chơi ngoài trời: dây leo đơn, khu vực trẻ chơi vừa phát triển kỹ năng vận động vừa phát triển kỹ năng sống để đáp ứng nhu cầu cho trẻ hoạt động đa dạng, phong phú.

3.2.5. Tự đánh giá: Đạt.

3.3. Tiêu chí 3: Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ và hiên chơi đảm bảo yêu cầu.

a) Phòng sinh hoạt chung (có thể dùng làm nơi tổ chức ăn, ngủ cho trẻ) bảo đảm các yêu cầu theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, có đủ đồ dùng, đồ chơi, học liệu cho trẻ hoạt động; có tranh ảnh, hoa, cây cảnh trang trí đẹp, phù hợp;

b) Phòng ngủ bảo đảm diện tích trung bình cho một trẻ và có các thiết bị theo quy định tại Điều lệ trường mầm non;

c) Hiên chơi (vừa có thể là nơi tổ chức ăn trưa cho trẻ) bảo đảm quy cách và diện tích trung bình cho một trẻ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; lan can của hiên chơi có khoảng cách giữa các thanh giằng đứng không lớn hơn 0,1m.

3.3.1. Mô tả hiện trạng

Trường có 10 phòng học, phòng sinh hoạt chung đồng thời cũng là nơi tổ chức bữa ăn, ngủ trưa của trẻ. Diện tích mỗi phòng trung bình là 51,2m², đảm bảo trung bình từ 1,14m²/trẻ. Đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng mát, nền lát gạch men sáng sạch sẽ (đối với lớp mẫu giáo), nền trải simili và sàn gỗ (đối với nhóm nhà trẻ). Nhóm, lớp có đủ bàn ghế, đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho giáo viên và trẻ. Phòng sinh hoạt chung có tranh ảnh, hoa, cây cảnh trang trí đẹp, phù hợp; có đủ đồ dùng, thiết bị tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3-3-01-01]; [H3-3-01-02]; [H1-1-03-05];

Phòng ngủ của trẻ dùng chung với phòng sinh hoạt đảm bảo diện tích trung bình $1,14m^2$ cho một trẻ, không gian thoáng mát yên tĩnh, có trang bị đầy đủ các đồ dùng phục vụ trẻ ngủ [H3-3-01-01]; [H3-3-01-02]; [H1-1-03-05];

Trước mỗi lớp đều có hiên chơi có chiều rộng $1,5m^2$; Tầng 1 có xây lan can bao quanh cao 1m, phía trên lan can có khung sắt, khoảng cách giữa các thanh gióng đứng là 0,1m đảm bảo an toàn cho trẻ khi hoạt động [H3-3-01-01] [H3-3-01-02].

3.3.2. Điểm mạnh:

Trường có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ và hiên chơi, bảo đảm đầy đủ các thiết bị theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

3.3.3. Điểm yếu: Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ của trẻ chưa đảm bảo diện tích theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

3.3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2015-2016 và những năm tiếp theo, nhà trường có kế hoạch giảm sĩ số trẻ theo hình thức cuốn chiếu, tham mưu cấp lãnh đạo mở rộng diện tích sau trường để đảm bảo phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ của trẻ theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

Hằng năm nhà trường tiếp tục đầu tư, mua sắm, bổ sung các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, học liệu để cho trẻ hoạt động đạt theo yêu cầu của Điều lệ trường mầm non.

Khuyến khích giáo viên bảo quản và sử dụng có hiệu quả các đồ dùng, trang thiết bị của lớp. Giáo dục trẻ có ý thức bảo quản các đồ dùng, đồ chơi trong và ngoài lớp học.

3.3.5. Tự đánh giá: Không đạt.

3.4. Tiêu chí 4: Phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật, bếp ăn, nhà vệ sinh theo quy định.

a) Phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật có diện tích tối thiểu $60m^2$, có các thiết bị, đồ dùng phù hợp với hoạt động phát triển thẩm mỹ và thể chất của trẻ;

b) Có bếp ăn được xây dựng theo quy trình vận hành một chiều; đồ dùng nhà bếp đầy đủ, bảo đảm vệ sinh; kho thực phẩm có phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, bảo đảm các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm; có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn;

c) Có nhà vệ sinh cho trẻ, nhà vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên bảo đảm yêu cầu và thuận tiện cho sử dụng.

3.4.1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật được sử dụng chung, với diện tích 63m², đầy đủ các thiết bị, đồ dùng đồ chơi phục vụ cho hoạt động giáo dục phát triển thể chất, thẩm mỹ của trẻ theo quy định ở điều 40 mục 3 và điều 41 mục 1 của Điều lệ trường mầm non [H3-3-01-01]; [H3-3-01-02]; [H1-1-03-05];

Nhà bếp của trường có diện tích 81.12m² được xây dựng theo quy trình bếp một chiều gồm khu giao nhận thực phẩm, rửa thực phẩm, xay xắt thái, sơ chế, chế biến, phân chia thức ăn chín. Có các đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú tại trường như tủ sấy ly, chén; tủ hấp cơm; máy xay thịt; máy cắt rau củ; các loại đồ dùng bằng nhựa, inox, tủ nhôm kính đựng đồ dùng, các loại bát thìa bằng inox, nhựa cao cấp; kho thực phẩm riêng biệt của trẻ và cô, tủ lạnh lưu mẫu thức ăn [H3-3-01-01]; [H3-3-01-02]; [H1-1-03-05]. Có giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1-07-06];

Trường có 3 nhà vệ sinh dùng chung cho trẻ, nên chưa đảm bảo theo quy định ở điều 28 mục 3 của Điều lệ trường mầm non, nhưng vẫn được phân chia khu vực dành riêng cho nam và nữ. Có 05 nhà vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo yêu cầu, thuận tiện cho việc sử dụng [H3-3-01-01]; [H3-3-01-02]; [H3-3-04-01].

3.4.2. Điểm mạnh:

Nhà trường có phòng chức năng được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ dạy và học. Bếp ăn được xây dựng theo quy trình bếp một chiều, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

3.4.3. Điểm yếu: Nhà vệ sinh của trẻ chưa đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

3.4.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2015-2016 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì và có kế hoạch nâng cấp, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng bán trú, đồ dùng nhà bếp để đạt tiêu chuẩn hiện đại;

Cán bộ quản lý tham mưu với các cấp lãnh đạo, cải tạo nâng cấp các khu vực nhà vệ sinh hoặc xây mới trường để mỗi nhóm, lớp có nhà vệ sinh riêng biệt.

3.4.5. Tự đánh giá: Không đạt.

3.5. Tiêu chí 5: Khối phòng hành chính quản trị bảo đảm yêu cầu.

a) Văn phòng trường có diện tích tối thiểu 30m², có bàn ghế họp và tủ văn phòng, có các biểu bảng cần thiết; phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có diện tích tối thiểu 15m², có đầy đủ các phương tiện làm việc và bàn ghế tiếp khách; phòng hành chính quản trị diện tích tối thiểu 15m², có máy vi tính và các phương tiện làm việc;

b) Phòng Y tế có diện tích tối thiểu 12m², có các trang thiết bị y tế và đồ dùng theo dõi sức khỏe trẻ, có bảng thông báo các biện pháp tích cực can thiệp chữa bệnh và chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng, trẻ béo phì, có bảng theo dõi tiêm phòng và khám sức khỏe định kỳ cho trẻ, có tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh cho trẻ;

c) Phòng bảo vệ, thường trực có diện tích tối thiểu 6m², có bàn ghế, đồng hồ, bảng, sổ theo dõi khách; phòng dành cho nhân viên có diện tích tối thiểu 16m², có tủ để đồ dùng cá nhân; khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên có đủ diện tích và có mái che.

3.5.1. Mô tả hiện trạng

Trường chưa có văn phòng riêng nên còn đặt chung với phòng hiệu trưởng, diện tích 37,8m², có bàn ghế họp, tiếp khách, tủ văn phòng, các bảng biểu theo quy định, có máy chiếu; phòng phó hiệu trưởng diện tích 32m², phòng hành chính quản

trị có diện tích 16m², các phòng làm việc đều có đầy đủ máy vi tính, máy in, các thiết bị và phương tiện làm việc đúng chuẩn [H1-1-03-05]; [H3-3-01-01]; [H3-3-01-02];

Phòng y tế có diện tích 12,8m², có đầy đủ các trang thiết bị y tế theo quy định [H1-1-03-05]; [H3-3-01-01]; [H3-3-01-02]; hồ sơ theo dõi sức khỏe của trẻ, biểu đồ tăng trưởng của trẻ, sổ theo dõi tiêm phòng và khám sức khỏe định kỳ [H3-3-05-01]; bảng biểu và tranh tuyên truyền các biện pháp chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì [H3-3-05-02]; hồ sơ chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh cho trẻ [H3-3-05-03];

Phòng bảo vệ của nhà trường có diện tích 9m², có bàn ghế, có sổ bàn giao ca trực và ghi chép tình hình khách ra vào trường. Khu vực để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên có đủ diện tích 37,8m² và có mái che, trồng thêm cây leo làm giàn phía trên tạo bóng mát [H1-1-03-05]; [H3-3-01-01]; [H3-3-01-02]; [H3-3-05-04]. Tuy nhiên, trường chưa có phòng dành riêng cho nhân viên.

3.5.2. Điểm mạnh:

Nhà trường có các phòng làm việc và phòng hành chính quản trị đảm bảo đầy đủ các phương tiện làm việc theo quy định và hoạt động có hiệu quả.

3.5.3. Điểm yếu:

Chưa có phòng dành cho nhân viên.

Văn phòng trường còn đặt chung tại phòng hiệu trưởng.

3.5.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2015-2016 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục tham mưu với Ủy ban nhân dân Quận 3, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3, có kế hoạch cải tạo cơ sở vật chất để có phòng dành cho nhân viên và văn phòng trường đảm bảo theo diện tích quy định. Trước mắt, huy động từ nguồn thu hợp pháp khác để cải tạo mở rộng diện tích phòng hiệu trưởng, ngăn cách tách biệt với văn phòng trường.

3.5.5. Tự đánh giá: Không đạt.

3.6. Tiêu chí 6: Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo Tiêu chuẩn kỹ thuật Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non.

a) Có đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo quy định và sử dụng có hiệu quả trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục quy định phải bảo đảm tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;

c) Hằng năm sửa chữa, thay thế, bổ sung, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi.

3.6.1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có đủ thiết bị, đồ chơi, đồ dùng cá nhân, theo quy định (Theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/02/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho Giáo dục mầm non) [H3-3-06-01]; Cán bộ quản lý nhà trường thường xuyên dự giờ, kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng sách, thiết bị đồ dùng, đồ chơi trong các hoạt động [H1-1-03-04];

Hằng năm, nhà trường có bổ sung và vận động giáo viên tự làm đồ dùng đồ chơi tự tạo tận dụng từ nguyên vật liệu đơn giản, nhà trường có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài quy định đạt hiệu quả cao, đảm bảo an toàn và phù hợp với lứa tuổi của trẻ. Tuy nhiên, đồ dùng đồ chơi tự làm ngoài danh mục chưa được nhiều và phong phú [H3-3-06-02]; [H1-1-06-06];

Vào đầu năm học, nhà trường có kế hoạch bảo quản, sửa chữa, thay mới, bổ sung, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi để đảm bảo an toàn cho trẻ [H3-3-06-03].

3.6.2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đầy đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo quy định và đồ chơi tự tạo, sử dụng có hiệu quả trong chăm sóc, giáo dục trẻ; đồng thời rất chú trọng việc đầu tư mua sắm, bổ sung các đồ chơi, thiết bị tốt, hiện đại, phù hợp lứa tuổi và yêu cầu đổi mới của ngành.

3.6.3. Điểm yếu:

Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục chưa phong phú đa dạng.

3.6.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2015-2016 và các năm học tiếp theo, nhà trường có kế hoạch bổ sung đồ dùng đồ chơi ngoài danh mục để đáp ứng hiệu quả trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Phân công phó hiệu trưởng phát động phong trào làm đồ dùng đồ chơi tự tạo theo lứa tuổi, bổ sung thêm các tài liệu tham khảo để giáo viên có thêm ý tưởng sáng tạo làm đồ dùng, đồ chơi mang tính mỹ thuật và độ bền cao.

3.6.5. Tự đánh giá: Đạt.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường Mầm non 12 có vị trí đẹp, khuôn viên rộng, thoáng mát, an toàn, các công trình của trường được cải tạo, nâng cấp với thiết kế hài hòa đồng thời các khu vực được bố trí đảm bảo an toàn, phù hợp cảnh quan. Cơ sở vật chất của nhà trường được bảo quản, sử dụng đúng mục đích, có kiểm tra, kiểm kê tài sản hàng năm để thực hiện kế hoạch chỉnh trang nâng cấp, bổ sung ngày một hoàn thiện hơn nhằm đáp ứng yêu cầu chăm sóc giáo dục trẻ tại trường đạt hiệu quả cao.

Điểm yếu cơ bản:

Diện tích sử dụng đất bình quân tối thiểu của trường chưa đủ cho một trẻ đối với khu vực thành phố;

Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ của trẻ chưa đảm bảo diện tích theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Nhà vệ sinh của trẻ chưa đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

Chưa có phòng dành cho nhân viên. Văn phòng trường còn đặt chung tại phòng Hiệu trưởng.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 2/6.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 4/6.

4. Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu: Nhiệm vụ của trường mầm non là chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để trẻ phát triển một cách toàn diện và chuẩn bị tâm thế cho trẻ bước vào lớp 1. Mỗi năm học, nhà trường có thành lập Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo đúng Điều lệ quy định và thực hiện nhiều công trình thiết thực, có hiệu quả. Để thực hiện mục tiêu giáo dục mầm non, nhà trường không những phải làm tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục mà còn phải kết hợp chặt chẽ với gia đình và xã hội. Công tác tham mưu, phối hợp với cấp lãnh đạo, các ban ngành đoàn thể chính quyền địa phương, được nhà trường thực hiện thường xuyên, thể hiện sự thống nhất và đồng thuận cao. Làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục là một chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước đã được trường đưa vào thực hiện trong nhiều năm qua. Tập thể thực hiện tốt trong phong trào thi đua: “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

4.1. Tiêu chí 1: Nhà trường chủ động phối hợp với cha mẹ trẻ để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

a) Có Ban đại diện cha mẹ trẻ em theo quy định tại Điều lệ trường mầm non;

b) Có các biện pháp và hình thức phù hợp để tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ trẻ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ khi ở nhà;

c) Giáo viên phụ trách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và gia đình thường xuyên trao đổi thông tin về trẻ.

4.1.1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H4-4-01-01]. Vào đầu mỗi năm học, nhà trường tổ chức Đại hội đại biểu cha mẹ học sinh để cùng phối hợp tham gia đóng góp ý kiến, đề xuất các biện pháp nhằm giúp nhà trường tổ chức tốt hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ [H4-4-01-02];

Thường xuyên tổ chức các chuyên đề, hội thảo mời bác sĩ, báo cáo viên của các trung tâm đến trường nói chuyện, trao đổi với cha mẹ học sinh về đổi mới phương pháp giáo dục, về dinh dưỡng, vệ sinh răng miệng và cách phòng ngừa dịch bệnh cho trẻ khi ở nhà. Ngoài ra, tại hiên chơi mỗi lớp đều có bản tin giới thiệu đến cha mẹ học sinh các nội dung trẻ học ở trường, các sự kiện nổi bật, các hoạt động của trẻ tại trường, thông báo các chiến dịch tiêm chủng mở rộng. Tại sảnh trường có một màn hình tivi 50 inches. Mỗi sáng và chiều trong giờ đón, trả trẻ đều phát thanh, phát hình giới thiệu về các hoạt động của bé và nhà trường như: chuyên đề lễ hội, giờ chơi, tiết học tại phòng chức năng, tổ chức giờ ăn, giờ ngủ và công tác chăm sóc sức khỏe cho trẻ [H4-4-01-03];

Giáo viên của các lớp thường xuyên trao đổi tình hình ăn, ngủ, học tập và chế độ hoạt động trong ngày của trẻ qua giờ đón trả trẻ, trang web và tin nhắn điện tử của trường, bản tin tuyên truyền của lớp, sổ liên lạc và sổ bé ngoan giúp phụ huynh nắm được tình hình của bé tại lớp để phối hợp chặt chẽ với giáo viên chăm sóc giáo dục trẻ đạt hiệu quả [H4-4-01-04].

4.1.2. Điểm mạnh:

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn thống nhất, nhiệt tình tham gia các hoạt động, thực hiện các công trình trọng tâm đạt hiệu quả cao;

Trường có nhiều biện pháp và hình thức phù hợp để thu hút sự phối hợp của cha mẹ học sinh trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhà.

4.1.3. Điểm yếu: Không có.

4.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2015-2016 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy những mặt mạnh đã làm được. Đẩy mạnh hơn nữa các biện pháp phối hợp, lựa chọn những hình thức phù hợp để tuyên truyền, hướng dẫn chăm sóc, giáo dục và nâng cao vai trò hỗ trợ của cha mẹ học sinh trong mọi hoạt động của nhà trường.

4.1.5. Tự đánh giá: Đạt.

4.2. Tiêu chí 2: Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương.

a) Chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương ban hành chính sách phù hợp để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ;

b) Phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để huy động các nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường;

c) Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ.

4.2.1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, với chính quyền địa phương để có chính sách phù hợp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trẻ như: Huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt tỉ lệ cao, thành lập Ban chỉ đạo thực hiện công tác phổ cập giáo dục trẻ 5 tuổi, tham mưu hiệu quả trong việc xác nhận hộ nghèo để làm cơ sở miễn giảm học phí, giám định tình trạng sức khỏe, tâm lý trẻ khuyết tật [H4-4-02-01];

Nhà trường phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân ở địa phương huy động các nguồn lực để bổ sung cơ sở vật chất cho nhà trường như: máy điều hòa, tivi, bát che, thanh chắn an toàn, ghế nhựa cao cấp [H4-4-02-02]; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ, thực hiện phong trào trường học thân thiện học sinh tích cực, đơn vị có đời sống văn hóa [H4-4-02-03]; các công trình thanh niên [H4-4-02-04];

Nhà trường thực hiện ký kết phối hợp thực hiện việc đảm bảo an ninh trật tự với công an Phường 12, với trạm y tế như tiêm ngừa, phòng chống dịch bệnh (tay chân miệng, sởi, rubella), uống vitamin A [H4-4-02-05].

4.2.2. Điểm mạnh:

Nhà trường có phối hợp và chủ động tham mưu tốt với Ủy ban nhân dân Quận 3; Đảng ủy - Ủy ban nhân dân Phường 12; Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3; Công đoàn; Chi đoàn; Cha mẹ học sinh nhằm huy động các nguồn lực xã hội đầu

tư, hỗ trợ nhà trường trong công tác bổ sung trang thiết bị, xây dựng môi trường xanh, sạch đẹp, an toàn.

4.2.3. Điểm yếu: Không có.

4.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2015-2016 và các năm học tiếp theo, nhà trường tích cực tham mưu với Quận ủy, Ủy ban nhân dân, Phòng Giáo dục và Đào tạo, các tổ chức, đoàn thể, vận động các nguồn lực từ Cha mẹ học sinh để phối hợp đầu tư, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, tạo môi trường ngày càng xanh, sạch, đẹp, an toàn, tiến tới xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

4.2.5. Tự đánh giá: Đạt.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường xây dựng tốt mối quan hệ phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội chăm lo cho sự nghiệp giáo dục. Ban đại diện cha mẹ học sinh được tổ chức và hoạt động đúng theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, có hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế, có nhiều công trình mang tính khả thi cao;

Nhà trường được sự quan tâm và hỗ trợ của các cấp ủy Đảng, tổ chức, đoàn thể và nhân dân tại địa phương.

Điểm yếu cơ bản: Không có.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/2.

5. Tiêu chuẩn 5: Kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mở đầu: Tổ chức môi trường giáo dục, tạo cơ hội cho trẻ chủ động tham gia các hoạt động vui chơi, khám phá, trải nghiệm theo phương châm “Học bằng chơi, chơi bằng học” phù hợp với độ tuổi. Áp dụng đa dạng các hình thức và phương pháp vào việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục phù hợp với khả năng của trẻ và điều kiện thực tế của địa phương.

Nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ được tập thể nhà trường quan tâm hàng đầu, tạo mọi điều kiện tốt nhất cho trẻ trong các hoạt động để trẻ được phát triển toàn diện đáp ứng mục tiêu giáo dục trẻ theo Chương trình giáo dục mầm non và niềm tin nơi phụ huynh và cộng đồng.

5.1. Tiêu chí 1: Trẻ có sự phát triển về thể chất phù hợp với độ tuổi.

a) Chiều cao, cân nặng phát triển bình thường;

b) Thực hiện được các vận động cơ bản, có khả năng phối hợp các giác quan và vận động;

c) Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân, có kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe.

5.1.1. Mô tả hiện trạng:

Tính theo thời điểm tháng 10 năm 2015 nhà trường có tổng số 432 trẻ, các trẻ đều được theo dõi cân nặng và chiều cao 3 lần/năm và khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm. Đầu năm học, nhà trường tổ chức cho trẻ cân đo phân loại tình trạng dinh dưỡng sức khỏe: Kênh A là 340/432 (78.7%), trẻ suy dinh dưỡng là 11/432 trẻ (2.5%). Trẻ thừa cân, béo phì là: 81/432 trẻ (18.8%) [H5-5-01-01];

Trẻ thực hiện được vận động cơ bản như đi, chạy nhảy, bật, bò, trườn, trèo, ném theo yêu cầu độ tuổi. Phát triển về các vận động thô và vận động tinh, có khả năng phối hợp các giác quan và vận động một cách linh hoạt, khéo léo. Cụ thể: Nhóm 18 - 24 tháng bước đầu thích thú với các vận động phối hợp tay, mắt như lăn, ném bóng (đạt tỉ lệ trên 75%); trẻ lứa tuổi 25 - 36 tháng thực hiện các vận động cơ bản nhanh nhẹn hơn như đi, chạy, bò, trườn (đạt tỉ lệ 86%); trẻ 3 - 4 tuổi và 4 - 5 tuổi thực hiện đúng, nhịp nhàng tốt các bài tập phát triển chung, các vận động cơ bản, khéo léo trong các bài tập tổng hợp (đạt tỉ lệ 96%) [H5-5-01-02]; trẻ 5 - 6 tuổi đạt được các tiêu chí của bộ chuẩn phát triển trẻ em về lĩnh vực phát triển thể chất (đạt tỉ lệ 99%) [H5-5-01-03];

97% trẻ có kỹ năng sống, biết tự phục vụ, biết rửa tay sau mỗi hoạt động: tự xúc cơm, cất đồ dùng ăn uống đúng chỗ, rửa tay, rửa mặt, chải răng sau khi ăn, giờ

ngủ giúp cô trải nệm, thức dậy xếp gối vào tủ. Trẻ có kỹ năng tốt trong giờ ăn như cảm ơn cô khi nhận cơm, mời bạn cùng ăn, không nói chuyện nhiều trong giờ ăn, không làm rơi vãi cơm ra ngoài, biết che miệng khi hắt hơi, ho; biết giữ gìn sức khỏe phù hợp độ tuổi. [H5-5-01-04].

5.1.2. Điểm mạnh:

Trẻ thực hiện được các vận động cơ bản và có kỹ năng tốt trong vệ sinh cá nhân, ăn uống, giữ gìn sức khỏe.

5.1.3. Điểm yếu: Không có.

5.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2015-2016 và các năm học tiếp theo, cán bộ quản lý có kế hoạch trang bị thêm các đồ chơi ngoài trời theo hướng giúp trẻ tích cực vận động;

Duy trì đảm bảo sự phát triển về chiều cao và cân nặng cho trẻ theo độ tuổi qua việc tổ chức chế độ ăn uống và vận động hàng ngày tại trường.

5.1.5. Tự đánh giá: Đạt.

5.2. Tiêu chí 2: Trẻ có sự phát triển về nhận thức phù hợp với độ tuổi.

a) Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh;

b) Có sự nhạy cảm, có khả năng quan sát, ghi nhớ, so sánh, phán đoán, phát hiện và giải quyết vấn đề;

c) Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân, về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm.

5.2.1. Mô tả hiện trạng:

100% trẻ có sự phát triển về nhận thức, thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh: môi trường tự nhiên, môi trường xã hội theo Chương trình Giáo dục mầm non. Ngoài ra, trường còn tổ chức hoạt động ngoại khóa với các nội dung gần gũi trong cuộc sống, tạo cho trẻ hứng thú khi tham gia (đi tham quan Vietopia, các khu vui chơi, trồng và thu hoạch rau mầm, giao lưu với các cựu chiến binh, bộ đội); thông qua ngày hội sách trẻ được làm quen với việc mua bán, cách xếp hàng, cách trao, nhận khi giao tiếp [H1-1-08-

04]; [H5-5-02-01];

Qua hoạt động giờ học có 95% trẻ học hỏi nhanh nhất, có 95% trẻ đạt được kỹ năng quan sát, ghi nhớ, nhận xét, diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản, biết so sánh, phán đoán, phát hiện các vấn đề phù hợp với độ tuổi như: Biết sử dụng các giác quan để khám phá đồ vật, so sánh lớn - nhỏ, ngắn - dài, phán đoán tình tiết sắp xảy ra trong câu chuyện khi nghe cô kể [H5-5-02-02]. Còn 5% số trẻ khuyết tật học hòa nhập nhóm 25-36 tháng, mẫu giáo 5-6 tuổi và trẻ hiếu động khả năng quan sát, tập trung chưa cao;

96% trẻ có một số hiểu biết ban đầu về bản thân, con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm phù hợp với độ tuổi của trẻ như: Đặc điểm về giới tính, sở thích của mỗi cá nhân, đặc tính chung của sự vật hiện tượng, và một số khái niệm sơ đẳng về toán, đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, các sự kiện văn hóa của quê hương đất nước. Bài tập của trẻ thực hiện theo đúng kết quả mong đợi của Chương trình giáo dục mầm non. [H1-1-05-01]; [H5-5-01-03].

5.2.2. Điểm mạnh:

Trẻ thích tìm hiểu khám phá thế giới xung quanh qua đó hình thành kỹ năng phát triển tư duy, hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật hiện tượng trong thế giới xung quanh, biết giải quyết các vấn đề phù hợp với độ tuổi.

5.2.3. Điểm yếu:

Còn 5% số trẻ khuyết tật học hòa nhập và trẻ hiếu động khả năng quan sát, tập trung chưa cao.

5.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2015-2016 và các năm học tiếp theo, cán bộ quản lý tiếp tục hỗ trợ và hướng dẫn cho giáo viên các biện pháp tổ chức hoạt động phát triển về nhận thức trong việc xây dựng kế hoạch, chỉ đạo giáo viên có sự chú ý đặc biệt đến những trẻ có khả năng nhận thức còn chậm so với độ tuổi; khuyến khích giáo viên tận dụng mọi tình huống để giáo dục trẻ mọi lúc, mọi nơi; gần gũi, kiên nhẫn giải

thích, động viên để trẻ phát triển nhận thức ngày càng tốt hơn.

5.2.5. Tự đánh giá: Đạt.

5.3. Tiêu chí 3: Trẻ có sự phát triển về ngôn ngữ phù hợp với độ tuổi.

- a) Nghe và hiểu được các lời nói trong giao tiếp hằng ngày;*
- b) Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết, tình cảm, thái độ bằng lời nói;*
- c) Có một số kỹ năng ban đầu về đọc và viết.*

5.3.1. Mô tả hiện trạng:

100% trẻ có khả năng nghe và hiểu được các lời nói giao tiếp hằng ngày phù hợp với độ tuổi, biết trả lời câu hỏi của cô, trò chuyện với bạn, biết làm theo yêu cầu của người lớn và thực hiện các nhu cầu của bản thân [H1-1-05-01]; [H5-5-01-03];

Thông qua các hoạt động học và chơi, đặc biệt là hoạt động lễ hội, tham quan. 95% trẻ có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng lời nói và biết thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp. Còn 5% trẻ khả năng diễn đạt hạn chế như: nói chưa rõ ràng, mạch lạc [H1-1-05-01]; [H5-5-01-03];

95% trẻ có một số kỹ năng ban đầu về đọc và viết phù hợp độ tuổi: Kể chuyện theo tranh, tô màu theo hình vẽ; có khả năng đọc số; sao chép và biết được một số ký hiệu thông thường gần gũi trong cuộc sống [H5-5-01-03]; [H5-5-02-02].

5.3.2. Điểm mạnh:

95% trẻ ở các lứa tuổi có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng lời nói, cử chỉ phù hợp với độ tuổi; có một số kỹ năng ban đầu về đọc và viết theo kết quả mong đợi.

5.3.3. Điểm yếu:

Còn 5% trẻ khả năng diễn đạt hạn chế như: Trẻ nói chưa rõ ràng, mạch lạc.

5.3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2015-2016 và các năm học tiếp theo, cán bộ quản lý chỉ đạo giáo viên tích cực quan tâm trao đổi với cha mẹ học sinh trong giờ đón và trả trẻ hàng ngày, tạo mọi điều kiện để trẻ được thường xuyên trò chuyện với cô, với bạn trong

các hoạt động ở mọi lúc mọi nơi, giúp trẻ phát triển khả năng diễn đạt ngôn ngữ, kỹ năng giao tiếp với mọi người xung quanh ngày càng tốt hơn.

5.3.5. Tự đánh giá: Đạt.

5.4. Tiêu chí 4: Trẻ có sự phát triển về thẩm mỹ phù hợp với độ tuổi.

- a) Chủ động, tích cực, hứng thú tham gia các hoạt động văn nghệ.
- b) Có một số kỹ năng cơ bản trong hoạt động âm nhạc và tạo hình.
- c) Có khả năng cảm nhận và thể hiện cảm xúc trong các hoạt động âm nhạc và tạo hình.

5.4.1. Mô tả hiện trạng:

Hằng năm nhà trường có kế hoạch tổ chức các hoạt động văn nghệ vào các ngày lễ hội, sự kiện, các buổi sinh hoạt vào đầu tuần và cuối mỗi tháng. 100% trẻ trong trường đều có khả năng cảm nhận, thích thú tham gia thể hiện bằng niềm say mê, hào hứng của bản thân đối với các hoạt động văn nghệ phù hợp độ tuổi [H5-5-04-01];

90% trẻ có một số kỹ năng cơ bản về âm nhạc và tạo hình phù hợp với độ tuổi theo Chương trình giáo dục mầm non như: hát, múa, vỗ nhịp, vỗ phách, vỗ tiết tấu (nhANH, chậm, phối hợp) các bài hát mầm non, biết sử dụng một số nhạc cụ, biết vận động nhịp nhàng theo bản nhạc với nhiều hình thức đa dạng, sáng tạo khác nhau; có một số kỹ năng về tạo hình như: xếp hình, gấp, nặn, vẽ, khảm, xé dán, cắt. Biết tận dụng nguyên vật liệu mở để tạo thành sản phẩm sáng tạo có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối [H1-1-05-01]; [H5-5-02-02];

Nội dung của hoạt động âm nhạc và tạo hình phù hợp độ tuổi của trẻ. Khi tham gia hoạt động trẻ biết thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc, trẻ nghĩ ra các hình thức tạo ra âm thanh, vận động theo nhạc, tự chọn nhạc cụ. 90% trẻ có thói quen chăm chú lắng nghe và hưởng ứng theo nhạc bằng cảm xúc của bản thân qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, vận động theo nhạc một cách tự nhiên (hát theo nhạc, lắc lư, nhún nhảy theo nhạc...). Tạo ra các

sản phẩm tạo hình theo ý tưởng, cảm xúc và nói lên nhận xét của bản thân về các sản phẩm tạo hình của mình [H5-5-04-01]; [H5-5-04-02].

5.4.2. Điểm mạnh:

Trẻ thích tham gia các hoạt động văn nghệ tại trường, có một số kỹ năng cơ bản và khả năng cảm nhận, thể hiện cảm xúc trong các hoạt động âm nhạc và tạo hình phù hợp với độ tuổi.

5.4.3. Điểm yếu: Không có.

5.4.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2015-2016 và các năm học tiếp theo, cán bộ quản lý sẽ hướng dẫn, bồi dưỡng cho giáo viên phát huy các thế mạnh đã có, mở rộng các đề tài, phong phú nội dung, hình thức tổ chức các hoạt động âm nhạc, xây dựng môi trường tạo hình cho trẻ theo hướng mở, đa dạng kỹ năng để lôi cuốn trẻ tham gia một cách hào hứng.

5.4.5. Tự đánh giá: Đạt.

5.5. Tiêu chí 5: Trẻ có sự phát triển về tình cảm và kỹ năng xã hội phù hợp với độ tuổi.

- a) Tự tin, biết bày tỏ cảm xúc và ý kiến cá nhân;*
- b) Thân thiện, chia sẻ, hợp tác với bạn bè trong các hoạt động sinh hoạt, vui chơi, học tập;*
- c) Mạnh dạn trong giao tiếp với những người xung quanh, lễ phép với người lớn.*

5.5.1. Mô tả hiện trạng:

Giáo viên dựa vào đặc điểm lứa tuổi, tình hình trẻ ở lớp đã xây dựng kế hoạch giáo dục trẻ theo năm, tháng, tuần đề ra nhiều biện pháp qua giờ học, giờ chơi, trong các sinh hoạt hàng ngày và khi tham quan. Để giáo dục giúp trẻ mạnh dạn tự tin, bày tỏ cảm xúc và ý kiến cá nhân phù hợp độ tuổi [H5-5-05-01];

Trong giao tiếp hàng ngày, có 97% trẻ có mối quan hệ tích cực, thân thiện, chia sẻ, hợp tác với bạn bè trong các hoạt động sinh hoạt, vui chơi, học tập phù hợp

với độ tuổi như: biết quan tâm tới mọi người xung quanh, biết chia sẻ đồ chơi cho bạn, chơi thân ái, biết giúp đỡ nhau và dễ hòa đồng với bạn bè trong nhóm chơi [H5-5-05-02];

Qua tiếp xúc trực tiếp, quan sát 95% trẻ mạnh dạn trong giao tiếp với những người xung quanh, lễ phép với người lớn, vâng dạ, cảm ơn, xin lỗi phù hợp từng tình huống xảy ra. Biết chào hỏi khi có khách đến lớp, còn một số trẻ nhút nhát, chưa mạnh dạn khi tiếp xúc với những người lớn [H5-5-05-03].

5.5.2. Điểm mạnh:

Có 95% trẻ mạnh dạn giao tiếp với những người xung quanh, lễ phép với mọi người. 97% trẻ tự tin biết bày tỏ cảm xúc và ý kiến cá nhân phù hợp với độ tuổi, thân thiện, chia sẻ, hợp tác với bạn bè trong các hoạt động sinh hoạt, vui chơi, học tập.

5.5.3. Điểm yếu:

Còn 5% trẻ nhút nhát, chưa mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp.

5.5.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2015-2016 và các năm học tiếp theo, giáo viên các lớp thường xuyên theo dõi, quan sát đến những trẻ chưa mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp tận dụng mọi cơ hội cho trẻ thể hiện sự tự tin, bày tỏ cảm xúc và ý kiến cá nhân, từ đó có biện pháp động viên, trò chuyện, khuyến khích, tạo điều kiện, cơ hội giúp trẻ mạnh dạn, tự tin hơn trong giao tiếp.

5.5.5. Tự đánh giá: Đạt.

5.6. Tiêu chí 6: Trẻ có ý thức về vệ sinh, môi trường và an toàn giao thông phù hợp với độ tuổi.

a) Có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường lớp học, gia đình và những nơi công cộng, có nền nếp, thói quen vệ sinh cá nhân;

b) Quan tâm, thích được chăm sóc, bảo vệ cây xanh và vật nuôi;

c) Có ý thức chấp hành những quy định về an toàn giao thông đã được hướng dẫn.

5.6.1. Mô tả hiện trạng:

95% trẻ có ý thức biết giữ gìn vệ sinh môi trường, lớp, gia đình và những nơi công cộng, tiết kiệm điện, nước; luyện tập một số thói quen tốt về vệ sinh cá nhân: biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn, đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách, tự rửa mặt, lau mặt, chải răng hàng ngày, giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng [H5-5-06-01];

Sân vườn của trường được bố trí phù hợp tạo điều kiện thuận lợi giúp trẻ biết quan tâm, thích được chăm sóc, bảo vệ cây xanh, lao động vườn trường, bảo vệ thành quả lao động; biết cho cá ăn và không nghịch phá cá [H5-5-06-02];

Qua các hoạt động sinh hoạt và vui chơi hàng ngày, 90% trẻ có ý thức chấp hành những quy định về an toàn giao thông phù hợp với độ tuổi như: Đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy, không chơi đùa trên vỉa hè, biết đi bên phải đường, biết các tín hiệu giao thông và các biển báo giao thông cần thiết [H5-5-06-03].

5.6.2. Điểm mạnh:

Trẻ có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường lớp học, gia đình và những nơi công cộng, có nề nếp, thói quen vệ sinh cá nhân. Quan tâm, thích được chăm sóc bảo vệ cây xanh, vật nuôi và có ý thức chấp hành những quy định về an toàn giao thông đã được hướng dẫn thông qua các hoạt động giáo viên tổ chức hàng ngày cho trẻ.

5.6.3. Điểm yếu: Không có.

5.6.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2015-2016 và các năm học tiếp theo, cán bộ quản lý tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn giáo viên lồng ghép vào kế hoạch các nội dung giáo dục phù hợp độ tuổi theo nhu cầu, sở thích của trẻ để giúp trẻ có ý thức hơn trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường mọi lúc mọi nơi. Tăng cường công tác giáo dục và thực hành về ý thức chấp hành những quy định về an toàn giao thông phù hợp với độ tuổi qua hoạt động học và chơi hàng ngày.

5.6.5. Tự đánh giá: Đạt.

5.7. Tiêu chí 7: Trẻ được theo dõi và đánh giá thường xuyên.

a) Tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đạt ít nhất 80% đối với miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo và đạt ít nhất 90% đối với các vùng khác; tỷ lệ chuyên cần của trẻ ở các độ tuổi khác đạt ít nhất 75% đối với miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo và đạt ít nhất 85% đối với các vùng khác;

b) Có ít nhất 98% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non;

c) Có 100% trẻ 5 tuổi được theo dõi đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi.

5.7.1. Mô tả hiện trạng:

Tỉ lệ chuyên cần trẻ đến trường đạt cao, cụ thể: Trẻ 18-36 tháng đạt tỉ lệ 88%, trẻ 3-4 tuổi đạt tỉ lệ 92%, trẻ 4-5 tuổi đạt tỉ lệ 96%, trẻ 5 tuổi đạt tỉ lệ 96% [H5-5-07-01];

Trẻ 5-6 tuổi theo học tại trường, cuối năm đạt 100% hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non [H5-5-07-02];

100% trẻ 5 tuổi đang học tại trường được theo dõi đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi thông qua bảng tổng hợp đánh giá trẻ 5 tuổi của các lớp lá hàng tháng [H5-5-01-03].

5.7.2. Điểm mạnh:

Tỷ lệ chuyên cần đạt cao;

100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non và được đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi.

5.7.3. Điểm yếu: Không có.

5.7.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2015-2016 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy công tác tuyên truyền và huy động các tổ chức đoàn thể, các ban ngành địa phương phối hợp vận động trẻ 5 tuổi ra lớp theo quy định.

Tiếp tục giữ vững chỉ tiêu trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non và đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi.

5.7.5. Tự đánh giá: Đạt.

5.8. Tiêu chí 8: Trẻ suy dinh dưỡng, béo phì và trẻ khuyết tật được quan tâm chăm sóc.

a) 100% trẻ bị suy dinh dưỡng được can thiệp bằng các biện pháp nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng; có biện pháp hạn chế tốc độ tăng cân và bảo đảm sức khỏe cho trẻ béo phì;

b) Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng theo độ tuổi), thể thấp còi (chiều cao theo độ tuổi) đều dưới 10%;

c) Ít nhất 80% trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ.

5.8.1. Mô tả hiện trạng:

Đầu năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch phòng chống suy dinh dưỡng, dư cân, béo phì. Trẻ suy dinh dưỡng trong trường được can thiệp bằng các biện pháp nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng: Xây dựng thực đơn hợp lý, bổ sung thêm dầu gấc vào khẩu phần ăn hàng ngày của trẻ và được ăn thêm bữa ăn phụ như: yaourt, bánh flan, uống sữa bột, phomai... Có kế hoạch thực hiện các biện pháp hạn chế tốc độ tăng cân và bảo đảm sức khỏe cho trẻ béo phì: Chế độ ăn, các bài tập tăng cường vận động. Ngoài ra, nhà trường theo dõi sức khỏe trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng hàng tháng, đẩy mạnh phối hợp với phụ huynh trong việc tuyên truyền về dinh dưỡng và chăm sóc trẻ tại nhà [H5-5-08-01];

Năm học	Số trẻ dư cân, béo phì/ Tổng số trẻ		Số trẻ dư cân, béo phì/ Tổng số trẻ	
	Đầu năm	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ
2011-2012	30/184	16.3%	21/184	11.4%
2012-2013	51/317	16.1%	44/317	13.8%
2013-2014	51/385	13.2%	44/385	11.42%
2014-2015	61/463	13.1%	57/463	12.31%

Nhà trường có tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng đều dưới 10% trên tổng số trẻ, cụ thể cuối năm học 2014-2015 số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 2/463 trẻ - tỷ lệ 0,43%; trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi 3/463 trẻ - tỷ lệ 0,64% [H5-5-08-02];

Năm học	Tổng số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thể thấp còi/ Tổng số trẻ	Tỷ lệ
2011-2012	6/184	3.26%
2012-2013	4/317	1.26%
2013-2014	14/385	3.63%
2014-2015	5/463	1.07%

Nhà trường đã quán triệt đến đội ngũ giáo viên về công tác giáo dục hòa nhập trong triển khai kế hoạch nhiệm vụ ngay từ đầu năm học, để giáo viên chú ý quan sát và phát hiện sớm những đặc điểm về tật của trẻ trong quá trình sinh hoạt. Vận động cha mẹ trẻ và hội đồng giám định của phường thực hiện kiểm tra sức khỏe và bệnh lý của trẻ để xác định dạng tật cho trẻ. Thông qua các buổi tư vấn của bác sĩ giúp cho phụ huynh nắm bắt kiến thức về phát hiện sớm trẻ khuyết tật. Hằng năm có 100% số trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá tiến bộ [H5-5-08-03].

5.8.2. Điểm mạnh:

100% trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có sự tiến bộ.

5.8.3. Điểm yếu:

Tỉ lệ trẻ thừa cân, béo phì còn cao.

5.8.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2015-2016 và những năm học tiếp theo, trường tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến cha mẹ học sinh về các biện pháp phòng chống trẻ suy dinh dưỡng, béo phì. Nghiên cứu thêm thực đơn, món ăn phù hợp cho

trẻ béo phì, tìm các biện pháp, trò chơi vận động nhằm thu hút trẻ béo phì tham gia tích cực.

5.8.5. Tự đánh giá: Không đạt.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường đã xây dựng tốt kế hoạch thực hiện phục hồi trẻ suy dinh dưỡng, áp dụng các biện pháp hạn chế tốc độ tăng cân và bảo đảm sức khỏe cho trẻ béo phì với nhiều nội dung và hình thức phong phú, hiệu quả.

Điểm yếu cơ bản: Tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì còn cao.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 7/8.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 1/8.

III. KẾT LUẬN CHUNG

Trong quá trình tự tiến hành đánh giá của nhà trường, kết quả đạt được qua chỉ số, các tiêu chí về kiểm định chất lượng giáo dục như sau:

- Số lượng chỉ số đạt: 76/ 87, đạt tỉ lệ 87,35%
- Số lượng chỉ số không đạt: 11/ 87, đạt tỉ lệ: 12,6%
- Số lượng tiêu chí đạt: 20/ 29, đạt tỉ lệ: 68, 96%
- Số lượng tiêu chí không đạt: 09/ 29, đạt tỉ lệ: 31,03% ”
- Cụ thể các nội dung không đạt:

+ Tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2, chỉ số b: Số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp còn vượt quá quy định tại khoản 1, điều 13 của Điều lệ trường mầm non.

+ Tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3, chỉ số b: Tổ chuyên môn và tổ văn phòng chưa đảm bảo kế hoạch hoạt động của tổ theo tuần, tháng, học kỳ, năm học và sinh hoạt tổ theo quy định.

+ Tiêu chuẩn 1, tiêu chí 7, chỉ số c: Trường chưa có hệ thống báo cháy theo luật Phòng cháy chữa cháy quy định.

+ Tiêu chuẩn 1, tiêu chí 8, chỉ số b: Mỗi năm học, chưa tổ chức ít nhất 1 lần cho trẻ cho trẻ từ 4 tuổi trở lên tham quan địa danh, di tích lịch sử, văn hóa địa phương hoặc mời nghệ nhân hướng dẫn trẻ làm đồ chơi dân gian.

+ Tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1, chỉ số a: Diện tích sử dụng đất bình quân tối thiểu của trường chưa đủ cho một trẻ đối với khu vực thành phố.

+ Tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3, chỉ số a: Phòng sinh hoạt chung của trẻ chưa đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

+ Tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3, chỉ số b: Phòng ngủ của trẻ chưa đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

+ Tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4, chỉ số c: Nhà vệ sinh của trẻ chưa đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

+ Tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5, chỉ số a: Chưa có văn phòng trường riêng biệt, còn sử dụng chung với phòng hiệu trưởng.

+ Tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5, chỉ số c: Chưa có phòng dành cho nhân viên.

+ Tiêu chuẩn 5, tiêu chí 8, chỉ số a : Tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì còn cao.

Căn cứ vào Điều 22 của Thông tư số 25/2014/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 8 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non, trường Mầm non 12 tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

Quận 3, ngày 20 tháng 11 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Lê Thị Hạnh